**Sở GD&ĐT TP Đà Nẵng**
**Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển**
**GV: Đỗ Thị Thu Thủy**
**Tổ: Ngữ văn, KHBD khối 12**
**Ngày soạn: 10/9/2026**
**Ngày dạy: Tuần 4,5,6,7(Tiết 12-22)**

**Tiết 12-22** **BÀI 2: NHỮNG THẾ GIỚI THƠ**

## A. NỘI DUNG VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

### I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN

**1. Đọc:**
VB1: *Cảm hoài* (*Nỗi lòng*- Đặng Dung)
VB2: *Tây Tiến* (Quang Dũng)
VB3: *Đàn ghi ta của Lor-ca* (Thanh Thảo)
Thực hành đọc: *Bài thơ số 28* (Ra-bin-đơ-ra-nát Ta-gor)
**2. Thực hành tiếng Việt:** Tác dụng của một số biện pháp tu từ trong thơ
**3. Viết:** Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ
**4. Nói và nghe:** Trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ

### II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN:11 tiết – KHGD

## B. MỤC TIÊU CHUNG

**1. Về kiến thức:**
- Nhận biết được một số đặc điểm cơ bản của phong cách cổ điển và lãng mạn qua các bài thơ tiêu biểu đã học.
- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của thơ trữ tình hiện đại như: ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực trong thơ...

**2. Về năng lực:**
- Vận dụng được kinh nghiệm, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn học, thể hiện được suy nghĩ, cảm xúc cá nhân về văn bản văn học
- Vận dụng được kiến thức về một số phép tu từ đã học để phân tích, đánh giá tác dụng của việc sử dụng các biện pháp tu từ đó trong một bài thơ.
- Viết được bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

***.Tích hợp phát triển năng lực số:**
*1.1.NC1a Đáp ứng được nhu cầu thông tin.*
*1.1.NC1b Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số,*
*2.1.NC1a Sử dụng được nhiều công nghệ số để tương tác.*

**3. Về phẩm chất:** Có thái độ ngưỡng mộ đối với những tấm gương sống đẹp vì đất nước, cộng đồng, vì nền nghệ thuật lớn hướng tới con người.
- Giáo dục truyền thống lịch sử dân tộc, lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc.
- Nhận ra được giá trị, tầm quan trọng của truyền thống lịch sử dân tộc, lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc.

## B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

**Tiết 12,13**

**ĐỌC VĂN BẢN 1** **CẢM HOÀI**
**(Nỗi lòng- Đặng Dung)**

**I. MỤC TIÊU**

1. Về kiến thức: Nhận biết được một số đặc điểm của phong cách cổ điển được thể hiện trong bài thơ *Cảm hoài của Đặng Dung.*

2. Về năng lực:

- Hiểu và phân tích được giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật của bài thơ (hình tượng, biểu tượng).
- Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về văn bản *Cảm hoài* để rèn luyện năng lực đọc hiểu một văn bản thơ trung đại.

***.Tích hợp phát triển năng lực số:**

*1.1.NC1a Tìm kiếm và thu thập thông tin về tác giả Đặng Dung, hoàn cảnh sáng tác bài thơ "Cảm hoài", và thể thơ thất ngôn xen lục ngôn.*

*1.1.NC1b HS sử dụng các công cụ tìm kiếm với từ khóa phù hợp ("Cảm hoài Đặng Dung", "thể thơ cổ điển", "ý nghĩa hình tượng quốc thù chưa báo đầu đã bạc") để lấy được thông tin chính xác.*

**3. Về phẩm chất**: Cảm nhận được nhiệt huyết cứu nước và vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ.

-Giáo dục truyền thống lịch sử dân tộc, lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc.

- Nhận ra được giá trị, tầm quan trọng của truyền thống lịch sử dân tộc, lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy tính, tivi/máy chiếu, …

**2. Học liệu:** SGK, SGV Ngữ văn 12, tập một, kế hoạch bài dạy, phiếu học tập, các tài liệu liên quan đến tác giả, tác phẩm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú và tâm thế hứng khởi cho học sinh; huy động kiến thức nền để tiếp nhận tác phẩm *Cảm hoài* của Đặng Dung.

**b. Nội dung:** Chia sẻ những hiểu biết của em về phong cách cổ điển.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| Hoạt động của Gv và Hs | Dự kiến sản phẩm |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>- GV đặt vấn đề: Trong lịch sử và trong cuộc sống đời thường, có những thất bại khiến cho người đời không chỉ cảm thấy buồn thương, tiếc nuối mà còn nể phục, kính trọng. Hãy kể về một thất bại như thế và cho biết điều gì gây ấn tượng cho bạn.<br>**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>- HS suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ theo từng cá nhân về vấn đề GV đặt ra.<br>**Bước 3: Báo cáo thảo luận**<br>- Mời một vài HS chia sẻ suy nghĩ bản thân.<br>- Yêu cầu các HS khác bổ sung, nhận xét.<br>**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>- GV đánh giá, nhận xét các câu trả lời. | Học sinh chia sẻ theo quan điểm cá nhân |

| | |
|---|---|
| - GV định hướng một vài nội dung trọng tâm về các vấn đề đặt ra và dẫn dắt vào bài học. | |

## HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN**

**a. Mục tiêu:** Tìm hiểu một số yếu tố đặc trưng thơ (Biểu tượng, yếu tố siêu thực trong thơ, phong cách cổ điển và phong cách lãng mạn).

**b. Nội dung:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, tham gia trò chơi, trình bày một phút để tìm hiểu chung về các vấn đề trên.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân/nhóm học sinh liên quan đến nội dung vấn đề.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| Hoạt động của Gv và Hs | Dự kiến sản phẩm |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>- HS chuẩn bị bài học ở nhà.<br>- Trên lớp, GV chia lớp thành 4 nhóm: thảo luận và hoàn thành phiếu học tập.<br>***/ Nhóm 1:** *Biểu tượng*<br>+ Biểu tượng là gì?<br>+ Đặc điểm của biểu tượng?<br>+ Trong sáng tác văn học, ngoài các biểu tượng có sẵn, các nhà văn, nhà thơ còn sáng tạo nên những biểu tượng nào? Cho ví dụ.<br>***/ Nhóm 2:** *Yếu tố siêu thực trong thơ*<br>+ Nêu các biểu hiện của yếu tố siêu thực trong thơ.<br>+ Yếu tố siêu thực xuất hiện trong một số tác phẩm thơ ở thời kì nào của nền văn học? Liên hệ mở rộng.<br>***/ Nhóm 3:** *Phong cách cổ điển*<br>+ Phong cách cổ điển là gì?<br>+ Đặc trưng cơ bản của phong cách cổ điển?<br>***/ Nhóm 4:** *Phong cách lãng mạn*<br>+ Phong cách lãng mạn là gì?<br>+ Phong cách lãng mạn có những đặc điểm cơ bản nào?<br>**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>- HS thảo luận và thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm để hoàn thành phiếu học tập.<br>- GV quan sát và hỗ trợ các nhóm.<br>**Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>- HS các nhóm báo cáo KQTL.<br>- Các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét, phản biện. | **I. Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn**<br>**1. Biểu tượng**<br>- Biểu tượng là hình ảnh mang tính ngụ ý, vượt lên chức năng miêu tả, tạo hình đơn giản; chứa đựng nhiều tầng nghĩa phong phú; gợi cảm nhận, suy tư về những điều mang tính phổ quát.<br>- Đặc điểm:<br>+ Có khả năng khái quát bản chất của một hiện tượng.<br>+ Thể hiện được những quan niệm, triết lí sâu sắc về con người và cuộc sống.<br>+ Quá trình hình thành biểu tượng chịu sự chi phối của các yếu tố tâm lí, văn hoá,… của dân tộc và thời đại.<br>**2. Yếu tố siêu thực trong thơ**<br>- Biểu hiện: qua những hình ảnh có vẻ kì lạ, gắn kết với nhau theo một logic khác thường, gây cảm giác khó hiểu cho độc giả và hoàn toàn mang tính tự nhiên.<br>- Yếu tố siêu thực xuất hiện thấp thoáng trong một số tác phẩm thơ dân gian, thơ thời trung đại, đặc biệt ở thời hiện đại.<br>**3. Phong cách cổ điển**<br>- Phong cách cổ điển là loại phong cách sáng tác được hình thành từ thời trung đại, chịu sự chi phối của một quan niệm về thế giới có tính đặc thù.<br>- Đặc trưng cơ bản: nghiêng về thể hiện những đề tài cao nhã; có cảm hứng đặc biệt với cái vĩnh hằng, bất biến; luôn hướng về những mẫu hình lí tưởng, tôn trọng tính quy phạm của cách tổ chức các yếu tố nghệ thuật thành một cấu trúc hoàn mỹ;...<br>**4. Phong cách lãng mạn**<br>- Phong cách lãng mạn: |

| | |
|---|---|
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>- GV đánh giá, nhận xét kết quả làm việc của các nhóm và chốt lại kiến thức trọng tâm. | + Xét theo nghĩa rộng, phong cách lãng mạn thường được đặt trong mối tương quan so sánh với phong cách hiện thực, xuất hiện từ thời cổ đại.<br>+ Xét theo nghĩa hẹp, phong cách lãng mạn gắn với chủ nghĩa lãng mạn, một trào lưu văn học được hình thành ở phương Tây vào cuối thế kỉ XVIII và nửa đầu thế kỉ XIX.<br>- Đặc điểm cơ bản:<br>+ Khẳng định cái cao cả, phi thường và phủ định thực tại tầm thường, tù túng.<br>+ Đề cao cá tính sáng tạo, trí tưởng tượng, sự phóng khoáng.<br>+ Chú trọng thế giới nội tâm với những cảm xúc mạnh mẽ, khoáng đạt, tinh tế và ưa dùng các yếu tố tương phản. |

**Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN 1: CẢM HOÀI - ĐẶNG DUNG**

**2.1. Tìm hiểu khái quát**

**a. Mục tiêu:** Học sinh nắm được những nét chính về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** Học sinh thực hiện nhiệm vụ giáo viên đã phân công theo từng nhóm/vấn đề để tìm hiểu về tác giả, tác phẩm.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân/nhóm học sinh liên quan đến bài học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| Hoạt động của Gv và Hs | Dự kiến sản phẩm |
|---|---|
| ***/ Đọc**<br>- GV gọi 1-2 học sinh đọc thành tiếng bản phiên âm, dịch nghĩa và dịch thơ trước lớp, khuyến khích HS học thuộc lòng bài thơ; nhắc các em chú ý sử dụng thẻ chỉ dẫn ở bên phải văn bản; đọc kĩ chú thích và nêu câu hỏi về những từ ngữ chưa hiểu.<br>- So sánh bản phiên âm và dịch thơ:<br>+ Ở câu 1, từ "du du" bản dịch thơ dịch là "ngổn ngang" là sát. "Du du"nghĩa là kéo dài mãi không dứt, không cùng; "ngổn ngang" gợi sự bề bộn, làm cho khó tháo gỡ hoặc giải quyết.<br>+ Ở câu 2, cụm từ "nhập hàm ca" dịch là "cuộc say ca": chưa thể hiện được điều không thích nhưng vẫn phải làm với mong muốn giải toả tâm trạng nhưng tâm trạng vẫn ngổn ngang.<br>+ Ở câu 8, "gươm Long Tuyền" chưa được dịch hết ý. "Kỷ độ Long Tuyền đới nguyệt ma" không chỉ cho thấy vẻ đẹp lung linh tráng lệ của hình ảnh người anh hùng mài gươm dưới trăng mà còn thấy được thanh gươm đang mài là thanh gươm báu.<br>***/ Tìm hiểu chung**<br>**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>- GV yêu cầu HS trao đổi và thảo luận theo cặp đôi các vấn đề sau: | **II. Tìm hiểu chung**<br>**1. Tác giả**<br>- Đặng Dung (?-1414)<br>- Quê quán: Can Lộc - Hà Tĩnh.<br>- Dưới triều nhà Hồ, ông giúp cha cai quản đất Thuận Hoá.<br>- Khi quân Minh sang xâm lược nước ta, ông cùng cha tham gia cuộc khởi nghĩa của Trần Ngỗi, lập nhiều công hiển hách.<br>- Năm 1414, bị giặc Minh bắt giải sang Trung Quốc nên đã tuẫn tiết trên đường đi.<br>- Sáng tác chỉ còn lại duy nhất bài thơ Cảm hoài.<br>**2. Tác phẩm**<br>- Đề tài: chí khí của người anh hùng trước vận nước.<br>- Thể loại: Thất ngôn bát cú Đường luật.<br>- Nhân vật trữ tình: tác giả (người tráng sĩ lỡ thời, thất thế). |

| | |
|---|---|
| + Nêu những nét tiêu biểu về cuộc đời của Đặng Dung. *(Lưu ý các em về bối cảnh lịch sử đất nước và kết cục bi tráng của cuộc đời tác giả).*<br>+ Tác phẩm?<br>• Bài thơ viết về đề tài gì?<br>• Bài thơ viết theo thể thơ nào?<br>• Nhân vật trữ tình của bài thơ?<br>**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>HS có thể trao đổi với bạn cùng bàn để thực hiện nhiệm vụ GV đã giao.<br>**Bước 3: Báo cáo thảo luận:** GV mời từng HS trả lời các câu hỏi/vấn đề đã đặt ra.<br>**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>- GV nhận xét và đánh giá câu trả lời của HS và chốt lại kiến thức trọng tâm.<br>***Tích hợp phát triển năng lực số:**<br>*1.1.NC1a Tra cứu tiểu sử, sự nghiệp Đặng Dung.*<br>*1.1.NC1b Sử dụng từ khóa hiệu quả để tìm bản dịch thơ/chú thích các điển cố, hình tượng để phân tích giá trị nội dung.* | |

**2.2. Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

**- Nhận biết được một số đặc điểm của phong cách cổ điển được thể hiện trong bài thơ *Cảm hoài.***

**- Hiểu và phân tích được giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật của bài thơ (hình tượng, biểu tượng).**

**- Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về văn bản *Cảm hoài* để rèn luyện năng lực đọc hiểu một văn bản thơ trung đại.**

**b. Nội dung:** Giáo viên hướng dẫn HS tìm hiểu các khía cạnh về giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật; phong cách cổ điển được thể hiện qua bài thơ.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân/nhóm học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| Hoạt động của Gv và Hs | Dự kiến sản phẩm |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV yêu cầu HS thảo luận các vấn đề sau:<br>+ Hoàn cảnh - tình thế của nhân vật trữ tình thể hiện như thế nào qua bốn câu thơ đầu?<br>+ Đối diện với hoàn cảnh - tình thế đó, nhân vật trữ tình có những cảm xúc, suy nghĩ gì?<br>**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>- HS thảo luận và thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm.<br>- GV quan sát, hỗ trợ các nhóm thảo luận.<br>**Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>- HS các nhóm báo cáo KQTL. | **III. Khám phá văn bản**<br>**1. Hoàn cảnh – tình thế và cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật trữ tình**<br>*/ Hoàn cảnh - tình thế:<br>- "Việc đời dằng dặc": sứ mệnh lớn lao, trách nhiệm nặng nề; sự nghiệp chống quân Minh cứu nước hết sức gian lao, vất vả, cần nhiều thời gian.<br>- "ta đã già": tuổi tác đã già mà thù nhà nợ nước chưa trả xong - sự hữu hạn của đời người.<br>- "biết làm thế nào?": tâm trạng rối bời.<br>- "Trời đất… say ca": người anh hùng đắm mình trong cuộc rượu hát ca cùng với |

| | |
|---|---|
| - Các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét, phản biện.<br>**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>- GV đánh giá, nhận xét kết quả làm việc của các nhóm và chốt lại kiến thức trọng tâm. | trời đất nhưng không quên được nỗi đau mất nước.<br>→ Bi kịch của người anh hùng: bất lực trước thời cuộc.<br>*/ Cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật trữ tình<br>- Khi gặp thời thì kẻ tầm thường (như người hàng thịt, kẻ đi câu) cũng dễ dàng lập được công danh.<br>- Khi thất thế thì dẫu người tài ba, anh hùng lỗi lạc cũng đành ôm tủi hận.<br>→ Nỗi đau của những người anh hùng vì lỡ vận mà nghiệp lớn không thành nên đành "nuốt hận". Liên hệ với cuộc đời Cao Bá Quát, Phan Bội Châu, Nguyễn Du… |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>Gv yêu cầu HS thảo luận theo nhóm 4 - 6 HS các vấn đề sau:<br>+ Trong hai câu luận, tác giả đã sử dụng những biểu tượng quen thuộc trong thơ trung đại để bày tỏ nỗi lòng của mình?<br>+ Nêu cảm nhận về nỗi lòng của nhân vật trữ tình?<br>**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>- HS thảo luận và thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm.<br>- GV quan sát, hỗ trợ các nhóm thảo luận.<br>**Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>- HS các nhóm báo cáo KQTL.<br>- Các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét, phản biện.<br>**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>- GV đánh giá, nhận xét kết quả làm việc của các nhóm và chốt lại kiến thức trọng tâm. | **2. Nỗi lòng của người anh hùng**<br>- Các biểu tượng: "xoay trục đất", "rửa bình khí", "kéo sông Ngân": quen thuộc trong thơ TĐ.<br>Liên hệ:<br>"*Vũ trụ nội mạc phi phận sự*" (Nguyễn Công Trứ)<br>*"Sinh vi nam tử yếu hy kỳ,*<br>*Khẳng hứa càn khôn tự chuyển di"*<br>( Phan Bội Châu)<br>- Nhận xét:<br>+ Các biểu tượng kì vĩ, mang tầm vóc vũ trụ; gắn với bối cảnh đất nước và cuộc đời bi tráng của nhà thơ.<br>+ Thể hiện khát vọng lớn lao, khí phách của người anh hùng: đánh đuổi quân xâm lược, giành lại chủ quyền đất nước; chấm dứt chiến tranh, mang lại cuộc sống thanh bình cho nhân dân, không còn phải dùng đến vũ khí nữa.<br>+ Những biểu tượng này còn ẩn chứa nỗi niềm xót xa, bi phẫn khi nghiệp lớn không thành. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>Gv yêu cầu HS thảo luận theo nhóm 4 - 6 HS các vấn đề sau: Phân tích ý nghĩa của hình tượng người tráng sĩ mài gươm dưới bóng trăng trong hai câu kết.<br>**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>- HS thảo luận và thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm.<br>- GV quan sát, hỗ trợ các nhóm thảo luận. | **3. Hình tượng người tráng sĩ mài gươm dưới bóng trăng**<br>- Quốc thù chưa trả > < đầu sao bạc.<br>+ Dù đã cống hiến trọn vẹn cuộc đời cho sự nghiệp cứu nước.<br>+ Đã bền gan vững chí vượt qua biết bao thử thách, gian nguy mà đến khi đầu bạc, nghiệp lớn vẫn chưa thành, thù nước chưa trả được. |

| | |
|---|---|
| **Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>- HS các nhóm báo cáo KQTL.<br>- Các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét, phản biện.<br>**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>- GV đánh giá, nhận xét kết quả làm việc của các nhóm và chốt lại kiến thức trọng tâm. | → Người tráng sĩ hiểu rõ tình trạng "lỡ thời, thất thế" và thực tại phũ phàng, nghiệt ngã của mình.<br>- Bao độ mài gươm ánh nguyệt hà.<br>+ Bất chấp hoàn cảnh vô vọng, người anh hùng ấy vẫn không nản chí, không từ bỏ hoài bão lớn lao *(Bao phen không ngủ mang gươm báo ra mài dưới ánh trăng).*<br>+ Người tráng sĩ tràn đầy nhiệt huyết cứu nước, tinh thần và ý chí bất khuất.<br>→ Biểu tượng cao đẹp của người anh hùng đầy khí phách qua bút pháp cách điệu hoá.<br>*/ Ý nghĩa: Hình tượng người tráng sĩ trong hai câu kết đã trở thành biểu tượng cho những người anh hùng thất thế mà vẫn hiên ngang, hào hùng - vẻ đẹp bi tráng, góp phần mang lại vị trí đặc biệt và sức sống bất diệt cho bài thơ. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>Gv yêu cầu HS thảo luận theo nhóm 4 - 6 HS vấn đề sau: Nêu một số biểu hiện của phong cách cổ điển thể hiện qua bài thơ Cảm hoài của Đặng Dung.<br>*/ Gợi ý: Phượng diện nội dung và nghệ thuật.<br>**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>- HS thảo luận và thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm.<br>- GV quan sát, hỗ trợ các nhóm thảo luận.<br>**Tích hợp lí tưởng, đạo đức, cách mạng, lối sống*<br>**Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>- HS các nhóm báo cáo KQTL.<br>- Các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét, phản biện.<br>**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>- GV đánh giá, nhận xét kết quả làm việc của các nhóm và chốt lại kiến thức trọng tâm. | **4. Phong cách cổ điển thể hiện qua bài thơ**<br>- Phương diện nội dung:<br>+ Đề tài: nỗi lòng của người tráng sĩ ôm hoài bão lớn lao, cao cả.<br>+ Cảm hứng: khẳng định chí lớn - theo những hình mẫu lí tưởng: xoay trục đất, rửa giáp binh và những giá trị vĩnh hằng, bất biến: khát vọng đền nợ nước - dẫu đầu đã bạc vẫn mài gươm dưới bóng trăng.<br>- Phương diện nghệ thuật<br>+ Thể thơ: thất ngôn bát cú Đường luật với thi luật chặt chẽ.<br>+ Chữ viết: chữ Hán.<br>+ Không gian: vũ trụ.<br>+ Hình tượng thơ: mang tính quy phạm, giàu ý nghĩa biểu tượng "xoay trục đất", "rửa bình khí".<br>+ Sử dụng điển tích: người hàng thịt, kẻ đi câu, gươm Long Tuyền.<br>+ Giọng điệu, âm hưởng bi hùng. |

**2.3. Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Học sinh tổng kết được nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

**b. Nội dung:** GV nêu câu hỏi để HS đánh giá tổng quát nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| Hoạt động của Gv và Hs | Dự kiến sản phẩm |
|---|---|

| | |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>Gv yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi giải quyết vấn đề sau: Khái quát giá trị về nội dung và những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ.<br>**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>- HS thảo luận và thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm.<br>- GV quan sát, hỗ trợ các nhóm thảo luận.<br>**Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>- HS chia sẻ ý kiến, quan điểm cá nhân.<br>- Cả lớp theo dõi, nhận xét, phản biện.<br>**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>- GV đánh giá, nhận xét kết quả làm việc của HS và chốt lại kiến thức trọng tâm. | **IV. Tổng kết**<br>**1. Nội dung**<br>Bài thơ là lời giãi bày nỗi lòng trước hoàn cảnh và thời cuộc; đồng thời thể hiện tâm trạng bi tráng, chí khí quật cường và tinh thần kiên trì chiến đấu của người anh hùng lỡ vận.<br>**2. Nghệ thuật**<br>- Thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật, hàm súc cô đọng.<br>- Hình tượng giàu sức gợi, bi tráng, kỳ vĩ.<br>- Biểu tượng thơ giàu ý nghĩa, hàm súc.<br>- Sử dụng điển cố tạo cho câu thơ độ súc tích và dư âm.<br>- Sử dụng nghệ thuật đối, so sánh...<br>- Giọng điệu hào hùng, bi tráng. |

## HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu:** Giúp HS kết nối đọc - viết, hình thành năng lực viết đoạn văn về một vấn đề đặt ra từ văn bản.

**b. Nội dung:** Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ).

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| Hoạt động của Gv và Hs | Dự kiến sản phẩm |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**<br>GV yêu cầu HS viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích một biểu tượng mà anh/chị cho là đặc sắc trong bài thơ *Cảm hoài* của Đặng Dung.<br>**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>- HS xác định vấn đề cần viết.<br>- HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà nghiêm túc và nộp lại vào buổi học tới; có thể nộp trực tiếp hoặc nộp online qua zalo, facebook,...<br>**Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>- HS chia sẻ trước lớp kết quả làm việc vào tiết học tiếp theo.<br>**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**<br>GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của HS. | **Gợi ý:**<br>- Giới thiệu vị trí của biểu tượng trong bài thơ.<br>- Giải thích ý nghĩa; phân tích giá trị của biểu tượng (tái hiện hình tượng con người, gợi bối cảnh lịch sử của đất nước, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật trữ tình,...). Chẳng hạn, các biểu tượng *xoay trục đất, rửa bình khí, kéo sông Ngân* gắn liền với công cuộc phò tá hậu duệ nhà Trần, chiến đấu chống giặc Minh, giành lại đất nước mà Đặng Dung theo đuổi suốt đời; hoặc biểu tượng người tráng sĩ đầu bạc bao phen mài gươm báu dưới trăng in dấu vẻ đẹp bi tráng của cuộc đời tác giả.<br>- Khẳng định ý nghĩa và sức sống của biểu tượng. |

## HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học ở văn bản *Cảm hoài* để rèn luyện năng lực đọc hiểu một văn bản thơ trung đại.**

**b. Nội dung: Nêu một số đặc điểm của phong cách cổ điển được thể hiện trong** một bài **thơ** trung đại mà em yêu thích.

**c. Sản phẩm:** Bài viết của học sinh.
**d. Tổ chức thực hiện:**
**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Yêu cầu HS viết: Nêu một số biểu hiện của phong cách cổ điển trong một **bài thơ** *trung đại mà em yêu thích.*
**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà nghiêm túc và nộp lại vào buổi học tới; có thể nộp trực tiếp hoặc nộp online qua zalo, facebook của GV,...
**Bước 3: Báo cáo thảo luận:** GV cho HS trao đổi, thảo luận. GV khuyến khích sự xung phong, gọi 1- 2 HS trình bày ở đầu buổi học tới (có thể lấy điểm đánh giá thường xuyên).
**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá sản phẩm.

**4. Củng cố:**
**- Nắm được một số đặc điểm của phong cách cổ điển được thể hiện trong bài thơ** *Cảm hoài.*
**- Phân tích được giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ (hình tượng, biểu tượng).**
**5. Hướng dẫn về nhà:** Chuẩn bị văn bản 2 trong sgk/tr44 và trả lời các câu hỏi trong sgk/tr47.

**PHÂN TÍCH PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SỐ CHO HỌC SINH**

| TT | Tên hoạt động | Tổ chức dạy học | Năng lực số |
|---|---|---|---|
| 1 | Hoạt động hình thành kiến thức | - Yêu cầu HS tìm kiếm tư liệu, xử lý tư liệu và trình bày trước lớp. | 1.1.NC1a Tra cứu tiểu sử, sự nghiệp Đặng Dung. |
| 2 | Hoạt động hình thành kiến thức | Yêu cầu HS tìm kiếm thông tin, tư liệu để so sánh, đối chiếu. | 1.1.NC1b Sử dụng từ khóa hiệu quả để tìm bản dịch thơ/chú thích các điển cố, hình tượng để phân tích giá trị nội dung. |

**Tiết 14,15 - ĐỌC VĂN BẢN 2: TÂY TIẾN**
***(QUANG DŨNG)***

**I. MỤC TIÊU**
**1. Về kiến thức:**
- Học sinh nhận biết được một số đặc điểm của phong cách lãng mạn được thể hiện trong bài thơ Tây Tiến.
- Học sinh phân tích được giá trị nội dung: nỗi nhớ của tác giả về một bức tranh thiên nhiên miền Tây nơi người lính Tây Tiến hành quân qua và đặc biệt là nỗi nhớ về đơn vị Tây Tiến.
- Học sinh phân tích được những đặc sắc nghệ thuật của bài thơ: cảm hứng lãng mạn, âm hưởng bi tráng, bút pháp hiện thực, chất nhạc, chất họa, ngôn ngữ hình tượng, biểu tượng … được kết hợp tài tình trong bài thơ.
**2. Về năng lực**
- Học sinh phát triển tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,...
- Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về văn bản *Tây Tiến,* qua đó rèn luyện năng lực đọc hiểu một bài thơ trữ tình hiện đại.

- Rèn luyện năng lực cảm thụ những đặc trưng thể laoij của một tác phẩm thơ.
- Học sinh phát huy năng lực tự học, giao tiếp và sáng tạo, để giải quyết các vấn đề của nhiệm vụ học tập.

***.Tích hợp phát triển năng lực số:**

*1.1.NC1a Tìm kiếm và thu thập thông tin về tác giả Quang Dũng, Đoàn quân Tây Tiến, hoàn cảnh sáng tác bài thơ, và phong cách lãng mạn trong thơ ca kháng chiến để phục vụ việc đọc hiểu.*

*2.2.NC1a HS sử dụng các công cụ số (Google Docs, trình chiếu) để chia sẻ kết quả nghiên cứu nhóm, thảo luận, hoặc trình bày bài phân tích của mình.*

**3. Về phẩm chất**:

- Học sinh có thêm sự yêu quý, trân trọng, biết ơn thế hệ cha ông, những người lính đã xả thân vì sự hòa bình của dân tộc.
- Cảm nhận được nhiệt huyết cứu nước và vẻ đẹp tâm hồn của một thế hệ, một thời đại; qua đó bồi đắp tình yêu quê hương xứ sở và mục đích sống cao đẹp.
- Học sinh thêm trân trọng nền hòa bình mà mình đang được hưởng.
- Học sinh nguyện sẽ cố gắng ra sức học tập để xây dựng và đưa đất nước phát triển đi lên, xứng đáng với công lao của thế hệ cha ông đã ngã xuống….

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

**1. Học liệu**: SGK, sách giáo viên, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập

**2. Thiết bị**: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

**1. Tổ chức**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

### HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

**a. Mục tiêu hoạt động**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

**b. Nội dung thực hiện**:

GV Nêu câu hỏi: Em đã học, đã đọc những bài thơ nào viết về đề tài người lính cách mạng Việt Nam? Hãy kể tên tác phẩm? Tác giả? Và đọc một vài câu thơ mà em thích nhất.

- HS theo dõi và đưa ra đáp án của mình

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

| Hoạt động của Gv và Hs | Dự kiến sản phẩm |
|---|---|
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**<br>? Em hãy kể tên tác phẩm, tác giả mà em đã học hoặc đã đọc viết về đề tài người lính cách mạng Việt Nam<br>? Hãy đọc diễn cảm một đoạn trích mà em thích nhất<br>**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**: HS theo dõi và chia sẻ<br>**Bước 3. Báo cáo, thảo luận:** Chia sẻ của HS<br>**Bước 4. Kết luận, nhận định**<br>Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học.<br>Đề tài người lính cách mạng Việt Nam vốn là một đề tài khá lớn, được nhiều nhà thơ, văn khai thác. Ở mỗi tác giả có những sự khám phá khác nhau, và để các em có thêm những góc nhìn mới về đề tài nay, hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu bài thơ Tây Tiến của tác giản Quang Dũng | - *Đồng chí* – Chính Hữu<br>- *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* – Phạm Tiến Duật…<br>- *Màu tím hoa sim* – Hữu Loan<br>- *Việt Bắc* – Tố Hữu<br>- Sản phẩm riêng của mỗi học sinh |

### HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát**

**a. Mục tiêu:**

- HS nêu và nắm được một số thông tin về tác giả, tác phẩm
- Hs xác định được bố cục của bài thơ, nội dung từng phần.

**b. Nội dung:** HS hoàn thiện phiếu học tập tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm theo hướng dẫn của giáo viên

**c. Sản phẩm:** Phiếu học tập HS đã hoàn thành

**d. Tổ chức thực hiện:**

| Hoạt động của Gv và Hs | Dự kiến sản phẩm |
|---|---|
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ Đọc:**<br>Gv hướng dẫn cách đọc và yêu cầu học sinh đọc trước ở nhà, chú ý phần phụ chú.<br>Gv đọc một đoạn, gọi học sinh đọc các đoạn tiếp theo.<br>Giáo viên phát phiếu học tập về tác giả, tác phẩm<br>**B2. Thực hiện nhiệm vụ**<br>HS đọc văn bản theo hướng dẫn của giáo viên<br>-HS tham khảo sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, để hoàn thành nhiệm vụ thông tin, tìm hiểu tác giả, tác phẩm và hoàn thành phiếu<br>**B3. Báo cáo thảo luận**<br>-Gv gọi hs trình bày sản phẩm phần tìm hiểu đã chuẩn bị ở nhà<br>-Gv tổ chức hco học sinh nhận xét, góp ý bổ sung để hoàn thiện<br>**B4. Đánh giá kết quả thực hiện**<br>-GV nhận xét, đánh giá, kết quả làm việc của học sinh<br>-Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản.<br>***Tích hợp phát triển năng lực số:**<br>*1.1.NC1a Tra cứu tiểu sử, sự nghiệp Quang Dũng. Tìm kiếm thông tin, hình ảnh về thiên nhiên Tây Bắc (Mường Lát, Pha Luông, Sài Khao) và chân dung người lính Tây Tiến để cảm thụ sâu sắc.* | **I. Tìm hiểu chung**<br>**1. Tác giả**<br>- Quang Dũng (1921-1988), tên khai sinh là Bùi Đình Diệm. Quê huyện Đan Phương, tỉnh Hà Tây (nay là Hà Nội)<br>- Sau Cách mạng tháng Tám ông tham gia quân đội. Từ sau 1954 là biên tập viên Nhà xuất bản Văn học.<br>- Quang Dũng là một nghệ sĩ đa tài: viết văn, làm thơ, vẽ tranh và soạn nhạc nhưng ông được biết đến nhiều nhất với tư cách một nhà thơ. Thơ ông hồn hậu mà tinh tế, phóng khoáng, giàu cảm hứng lãng mạn. Đặc biệt ngôn ngữ thơ vừa mang màu sắc cổ điển vừa mới lạ, hiện đại lại đậm chất nhạc và chất họa...<br>- Các tác phẩm chính: Đường lên châu Thuận (truyện, kí 1964), Rừng về xuôi (truyện, kí 1968), Nhà đồi (truyện, kí 1970), Mây đầu ô (1986)...<br>- Năm 2001, ông được tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật.<br>**2. Văn bản**<br>- Hoàn cảnh sáng tác: 1948 tại Phù Lưu Chanh, khi tác giả đã rời xa đơn vị Tây Tiến<br>- Xuất xứ tác phẩm: in trong tập Mây đầu ô. Tác phẩm ban đầu được Quang Dũng đặt "Nhớ Tây Tiến". Sau này, khi in trong tập *Mây đầu ô* tác giả bỏ đi từ *Nhớ.*<br>- Cảm hứng chủ đạo: Tình cảm gắn bó sâu nặng với đoàn quân Tây Tiến, thiên nhiên, con người Tây Bắc và tình yêu đất nước.<br>- Nhan đề Tây Tiến:<br>- Đây là tên đơn vị quân đội: được thành lập đầu năm 1947<br>- Lực lượng chủ yếu là: học sinh, sinh viên trí thức Hà Nội<br>- Nhiệm vụ: bảo vệ biên giới Việt Lào và đánh tiêu hao một phần quân đội Pháp<br>- Địa bàn hoạt động: khá rộng gồm các tỉnh Sơn La, Lai Châu, Hòa Bình, miền tây Thanh Hóa và cả Sầm Nưa (Lào)<br>- Điều kiện hành quân: vô cùng gian khổ, thiếu thốn, bệnh tật hoành hành…<br>- Tinh thần đơn vị Tây Tiến: luôn lạc quan, yêu đời và vô cùng dũng cảm |

| | |
|---|---|
| | - Bố cục:<br>- Phần 1 – 14 câu thơ đầu: *"Sông Mã ... thơm nếp xôi"*: Nỗi nhớ của tác giả về bức tranh thiên nhiên miền Tây và hình ảnh hành quân của người lính Tây Tiến<br>- Phần 2 – 8 câu tiếp: *"Doanh trại ... hoa đong đưa"*: Nỗi nhớ của tác giả về những kỉ niệm đẹp về tình quân dân trong đêm liên hoan và cảnh thiên nhiên sông nước miền Tây<br>- Phần 3 – 8 câu tiếp *"Tây Tiến đoàn ... khúc độc hành":* Nỗi nhớ của tác giả về tập thể người lính Tây Tiến<br>- Phần 4 – 4 câu cuối *"Tây Tiến ... chẳng về xuôi":* Lời thề gắn bó với đoàn quân Tây Tiến |

**Nội dung 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Hs phân tích, đánh giá nội dung của từng phần, làm nổi bật đươc nỗi nhớ của Quang Dũng về bức tranh thiên nhiên nơi người lính đi qua và đặc biệt là nỗi nhớ về người lính Tây Tiến.
- Hs phân tích và đánh giá được những đặc sắc về nghệ thuật được tác giả sử dụng: ngôn ngữ thơ vừa mang màu sắc cổ điển vừa mới lạ, hiện đại đậm chất nhạc và chất họa, âm hưởng bi tráng và cảm hứng lãng mạn được kết hợp với bút pháp hiện thực...
- Hs hiểu hơn về một giai đoạn lịch sử của đất nước thời kì kháng chiến chống Pháp, thêm yêu quý, tự hào về người lính Việt Nam, biết ơn thế hệ cha ông. Trân trọng nền hòa bình đang có, ra sức học tập, để xây dựng đất nước...

**b. Nội dung:**

- Hs sử dụng sách giáo khoa liệu tham khảo trên mạng, chuẩn bị theo hướng dẫn của giáo viên
- Hoàn thành phiếu học tập, trả lời các câu hỏi

**c. Sản phẩm:**

- Phiếu học tập học sinh hoàn thành
- Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

| Hoạt động của Gv và Hs | Dự kiến sản phẩm |
|---|---|
| **Nhiệm vụ 1: Cảm nhận 14 câu thơ đầu**<br>**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**<br>Gv yêu cầu hs trao đổi theo hình thức nhóm đôi để giải quyết các vấn đề sau:<br>- Bài thơ viết về đề tài gì?<br>- Cảm hứng chủ đạo của bài thơ Tây Tiến là gì?<br><br>- Hình tượng nhân vật trữ tình<br>+ Nhân vật trữ tình bộc lộ trực tiếp nỗi nhớ như thế nào qua hai câu thơ đầu? | **II. Khám phá văn bản**<br>**1. Đề tài và cảm hứng chủ đạo**<br><br>- Bài thơ viết về đề tài chiến tranh và người lính.<br>- Cảm hứng chủ đạo của bài thơ Tây Tiến là cảm hứng lãng mạn và cảm hứng bi tráng.<br><br>**2. Hình tượng nhân vật trữ tình**<br>**2.1. Nhân vật trữ tình bộc lộ trực tiếp nỗi nhớ qua hai câu thơ đầu:**<br>– Kết đọng trong nỗi nhớ: sông Mã, Tây Tiến, rừng núi, nhớ về Sông Mã là nhớ về<br>Tây Tiến. Đó là nơi gửi chốn về trong nỗi nhớ của người lính. |

| | |
|---|---|
| + Trong nỗi nhớ của nhân vật trữ tình, những điểm nhớ kí ức: nhớ về thiên nhiên (rừng núi), nhớ về đoàn quân (Tây Tiến), nhớ về tình quân dân, nhớ về hình ảnh người lính được gợi lên như thế nào?<br><br>- Nêu ấn tượng về trạng thái cảm xúc được tác giả thể hiện ở hai câu thơ đầu<br><br><br><br><br><br><br><br><br><br>- Tìm những từ ngữ, chi tiết miêu tả bức tranh thiên nhiên, hình ảnh người lính được thể hiện trong các câu, đoạn nhỏ đó. Em hình dung như thế nào về bức tranh thiên nhiên và con đường hành quân của người lính Tây Tiến?<br><br>- Em hãy nêu cảm nhận về nhạc điệu trong bốn câu thơ "Dốc lên khúc khuỷu… mưa xa khơi"<br><br>- Đánh giá khái quát về bức tranh thiên nhiên và hình ảnh người lính hành quân trong 14 câu thơ đầu<br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br>**B2. Thực hiện nhiệm vụ** | – Nỗi nhớ "chơi vơi" thể hiện độ lùi của thời gian và độ nhoè của cảm xúc, nỗi nhớ tiềm ẩn và lan toả, lúc đậm, lúc nhạt.<br>- Hai câu thơ đầu đã định hướng và chi phối cảm xúc cho cả bài thơ, nỗi nhớ khơi nguồn cho kí ức lần lượt hiện về.<br>**2.2. Hình tượng nhân vật trữ tình được khắc hoạ qua nỗi nhớ. Đó là nỗi nhớ về thiên nhiên (rừng núi), đoàn quân (Tây Tiến), nhớ về tình quân dân, nhớ về người lính.**<br>**a. Nhớ về thiên nhiên miền Tây Bắc và những cuộc hành quân của đoàn quân Tây Tiến**<br>***- Câu 3 - 4:***<br>*"Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi,*<br>*Mường Lát hoa về trong đêm hơi"*<br>+ *Bút pháp tả thực:* ***Sương mù vùng cao như che lấp, nuốt chửng đoàn quân hành quân mỏi mệt.***<br>+*Kết hợp bút pháp lãng mạn:* "Mường Lát hoa về trong đêm hơi", ***gợi không gian huyền ảo: cảnh vật về khuya phủ đầy hơi sương lạnh giá.*** Câu thơ với nhiều thanh bằng: Tạo cảm xúc lâng lâng trong lòng người chiến sĩ khi bắt gặp cảnh hoa nở giữa rừng<br>→ Mỗi mảnh đất đi qua có một dấu ấn riêng, ẩn trong đó là hình ảnh người lính hành quân vất vả, gian khổ nhưng tâm hồn yêu đời, lạc quan<br>***- Bốn câu tiếp theo:***<br>*" Dốc lên khúc khuỷ dốc thăm thẳm*<br>..........<br>*Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi"*<br>- Điệp từ: dốc, ngàn thước nhấn mạnh địa bàn lắm dốc, nhiều thác vô cùng nguy hiểm<br>- Nhiều từ láy gợi hình được sử dụng: *khúc khuỷ, thăm thẳm, heo hút* diễn tả địa hình hiểm trở, gập ghềnh, gấp khúc, vừa gợi độ cao, vừa gợi chiều sâu như không biết đâu là giới hạn cuối cùng.<br>- Nghệ thuật đối: lên cao, xuống thấp, câu thơ như có chất họa, bị bẻ làm đôi diễn tả dốc núi vút lên, đổ xuống gần như thẳng đứng, nhìn lên cao chót vót, nhìn xuống sâu thăm thẳm, hình dung diễn tả đúng thế núi đồi, lên cao, rồi xuống thấp. Hình dung sự khó nhọc trên chặng đường hành quân leo dốc gian khổ<br>- Hai chữ *ngửi trời* :vừa đặc tả độ cao chót vót của núi (Người lính trèo lên ngọn núi cao dường như đang đi trong mây nổi thành cồn *"heo hút",* mũi súng như chạm đến đỉnh trời) |

| | |
|---|---|
| -Hs trao đổi nhanh với bạn bên cạnh và đưa ra câu trả lời cho cặp nhóm mình theo những yêu cầu của giáo viên<br><br>**B3. Báo cáo thảo luận**<br>-Đại diện 1-2 nhóm đứng tại chỗ trình bày kết quả của nhóm mình<br>-Hs những nhóm khác nhận xét, bổ sung, nếu cần<br>-Gv theo đõi, điều hành, hỗ trợ hs<br><br>**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**<br>Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản | vừa thể hiện tính chất tinh nghịch, khí phách ngang tàng, coi thường hiểm nguy của người lính Tây Tiến.<br>+ Câu thơ thứ tư đối lập với ba câu trên: "*Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi*", làm cho đoạn thơ có chất nhạc trong đó. Được dệt toàn thanh bằng, âm *ơi* kết thúc dòng thơ: câu thơ nhẹ như nhịp thở thư giãn của người lính. Nếu ba câu trên là nốt cao trong một bản nhạc thì câu thơ thứ tư chính là một nốt nhạc trầm nhẹ.<br>+ Người lính tạm dừng chân bên một dốc núi, phóng tầm mắt ra xa, thấy một không gian mịt mùng sương rừng, mưa núi, thấy thấp thoáng những ngôi nhà như đang bồng bềnh trôi giữa biển khơi.<br>→ Thiên nhiên vô cùng hiểm trở, gập ghềnh, dốc cao, vực sâu, ẩn trong đó là hình ảnh người lính hành quân gian khổ nhưng hết sức yêu đời, tinh nghịch<br>***- Hai câu tiếp theo:***<br>"*Anh bạn dãi dầu không bước nữa*<br>*Gục lên súng mũ bỏ quên đời"*<br>- Từ láy dãi dầu, diễn tả sự dãi nắng, dầm mưa, vất vả, gian khổ trên con đường hành quân của người lính.<br>- Nghệ thuật nói giảm nói tránh: không bước nữa, bỏ quên đời, diễn tả sự ra đi hết sức nhẹ nhàng, thanh thản nhưng luôn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu của người lính Tây Tiến.<br>→ Hình ảnh người lính hành quan gian khổ, có cả sự hi sinh nhưng vẫn toát lên tư thế kiên cường, sẵn sàng chiến đấu.<br>**- Hai câu tiếp theo:**<br>+ Điệp từ: chiều chiều, đêm đêm nhằm nhấn mạnh không chỉ một chiều, một đêm mà nhiều chiều, nhiều đêm, không chỉ ban đêm mà thậm chí cả ban ngày<br>+ Cái hoang vu, hiểm trở tiếp tục được khai thác theo chiều thời gian:<br>+ Nhân hóa âm thanh: tiếng "*thác gầm thét"* trong mỗi buổi chiều, hình ảnh: *"cọp trêu người"* đêm đêm gợi thiên nhiên hoang sơ, bí ẩn<br>+ Cách dùng động từ vô cùng độc đáo, đắc sắc cọp "trêu" (chứ không phải vồ người, xé xác người", gợi sự trẻ trung, tinh nghịch của chất lính, làm giảm bớt sự khắc nghiệt của thiên nhiên.<br>→ Gợi không gian hoang vu, rừng thiêng nước độc, đầy bí hiểm, dữ dội<br>***- Đoạn thơ kết thúc đột ngột bằng hai câu thơ:*** |

| | |
|---|---|
| | *"Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói,*<br>*Mai Châu mùa em thơm nếp xôi".*<br>+ Cảnh tượng thật đầm ấm: Sau chặng đường hành vất vả, người lính quây quần bên nồi cơm bốc khói<br>+ Bát xôi nghi ngút khói và hương lúa nếp ngày mùa được trao từ tay *em* : làm ấm lòng người chiến sĩ, xua tan vẻ mệt mỏi<br>+ Kết hợp từ khá lạ, quan hệ từ bị lược bớt: "*mùa em"* → làm giọng thơ ngọt ngào, êm dịu, ấm áp, chuẩn bị tâm thế cho người đọc cảm nhận đoạn tiếp theo.<br>**b. Nhớ về những kỉ niệm trong đêm liên hoan và thiên nhiên sông nước miền Tây trong 8 câu tiếp theo.**<br>*** Bốn câu thơ đầu- cảnh liên hoan văn nghệ**<br>*"Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa*<br>*...Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ"*<br>**+ Địa điểm:** diễn ra buổi liên hoan văn nghệ: ở doanh trại – nơi đóng quân của người lính.<br>**+ Thành phần:** người lính và người dân bản địa trong đó đặc biệt phải kể đến là nhân vật trung tâm, nhưng người em gái dân tộc bản địa vừa e thẹn vừa tính tứ (*e ấp*), vừa duyên dáng trong điệu vũ xứ lạ (*man điệu*)<br>**+ Hoạt động:** ca hát, nhảy múa quanh đốm lửa lớn<br>+ Động từ "bừng" làm không gian như sáng rực lên, lung linh, sáng cả không gian núi rừng<br>**+ Hai chữ "*kìa em*":** cái nhìn vừa ngạc nhiên vừa mê say, ngây ngất của các chàng trai Tây Tiến<br>→ Người lính Tây Tiến nhập cuộc, hòa mình say sưa theo âm điệu dìu dặt, đưa hồn về những chân trời mới, xây hồn thơ với bao mộng ước ngọt ngào: "*Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ".* |
| **Nhiệm vụ 2: Tám câu tiếp theo**<br>**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**<br><br>- Trong kí ức của ức của nhân vật trữ tình, hình ảnh đêm lửa trại, và con người, cuộc sống miền Tây Bắc hiện lên với những nét đặc sắc gì? Những hình ảnh đó góp phần làm nổi bật hình tượng người lính Tây Tiến như thế nào?<br>- Phân tích những đặc sắc nội dung, nghệ thuật trong đoạn trích<br>- So sánh thiên nhiên trong phần này với 14 câu thơ đầu | ***Bốn câu cuối, cảnh sông nước miền Tây:**<br>*"Người đi Châu Mộc chiều sương ấy,*<br>*...Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa"*<br>**- Không gian và thời gian:** Dòng sông trong một buổi chiều giăng mắc một màu sương; sông nước, bến bờ lặng tờ, hoang dại như thời tiền sử, mênh mông, nhoè mờ, ảo mông<br>**- Con người:**<br>+ *dáng người trên độc mộc:* dáng hình mềm mại, uyển chuyển của những cô gái Thái trên những chiếc thuyền độc mộc<br>+ Vẻ đẹp của con người hoà hợp với vẻ đẹp của thiên nhiên: những bông hoa rừng cũng *"đong đưa",* làm duyên trên dòng nước lũ. |

| | |
|---|---|
| **B2. Thực hiện nhiệm vụ**<br>- Cá nhân thực hiện trả lời câu hỏi<br>- Nhóm đôi – hoàn thành bảng so sánh<br>**B3. Báo cáo thảo luận**<br>Nhóm đôi thảo luận để hoàn thành bảng; Đại diện báo cáo kết quả<br>**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**<br>Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản | +Thiên nhiên mang vẻ mềm mại, duyên dáng khác hẳn với những nét khoẻ khoắc, gân guốc khi đặc tả cảnh dốc đèo ở khổ trên<br><br>→ Ngôn ngữ tạo hình, vài nét gợi tả chấm phá, giàu tính nhạc, chất thơ hoà quyện: thể hiện vẻ đẹp thơ mộng, trữ tình của thiên nhiên và con người.<br>**c. 8 câu tiếp, nỗi nhớ chân dung người lính Tây Tiến:**<br>**** Hai câu đầu:*** *Ngoại hình của người lính:*<br>*"Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc*<br>*Quân xanh màu lá dữ oai hùm"*<br>**- Vừa bi:** Ngoại hình khác thường do hiện thực nghiệt ngã:<br>+ "*không mọc tóc":* người thì cạo trọc đầu để thuận tiện khi giáp lá cà, người thì bị sốt rét đến rụng tóc<br>+ "*Quân xanh màu lá":* nước da xanh xao do ăn uống thiếu thốn, sốt rét, bệnh tật hành hạ, trang phục xanh hay màu ngụy trang bởi lá rừng...<br>**- Vừa hùng:** không né tránh hiện thực khốc kiệt của chiến tranh nhưng qua cái nhìn lãng mạn<br>+ "*đoàn binh không mọc tóc": "đoàn binh"* chứ không phải *"đoàn quân"*→ hào hùng<br>+ "*Quân xanh màu lá"* nhưng vẫn *"dữ oai hùm",* nghệ thuật tương phản đối lập giữa ngoại hình bên ngoài với sức mạnh bên trong<br>→ Hai câu đầu miêu tả ngoại hình bên ngoại có vẻ kì dị, ốm yếu,xanh xao nhưng lại mang phong thái oai phong, dữ tợn, uy nghi như chúa sơn lâm của binh đoàn Tây Tiến<br>**** Hai câu tiếp: Giấc mộng lãng mạn của người lính.***<br>*"Mắt trừng gởi mộng qua biên giới*<br>*Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm"*<br>**- *"Mắt trừng":*** đôi mắt mở to, nhìn thẳng, như không chớp, cái nhìn nảy lửa đối với kẻ thù<br>**- *"gửi mộng qua biên giới":*** thể hiện nét oai phong, lòng quyết tâm đánh giặc đến cùng,<br>Mong muốn lập được chiên công nơi biên giới Việt Lào<br>*"Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm" :*<br>- Nhớ người yêu, những cô gái Hà Thành duyên dáng, xinh đẹp<br>- Diễn tả đúng thế giới tâm hồn bên trong đầy mộng mơ của họ, trở thành động lực để giúp người lính Tây Tiến vượt qua mọi khó khăn, gian khổ |
| **Nhiệm vụ 3:**<br>**B1. Chuyển giao nhiệm**<br>Hình tượng đoàn binh Tây Tiến được gợi ra qua những từ ngữ, hình ảnh nào? Khái quát đặc điểm của hình tượng này<br>Đánh giá nội dung, nghệ thuật của đoạn thơ<br>**B2. Thực hiện nhiệm vụ**<br>- Cá nhân thực hiện trả lời câu hỏi<br>- Nhóm lớn - hoàn thành nội dung | |

| | |
|---|---|
| **B3. Báo cáo thảo luận**<br>Nhóm đôi thảo luận để hoàn thành bảng; Đại diện báo cáo kết quả<br>**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**<br>Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản | → Khắc họa vẻ đẹp của người lính trong nhiệm vụ cũng như vẻ đẹp tâm hồn của họ<br>**** Bốn câu cuối: Cái chết bi tráng và sự bất tử:***<br>*"Rải rác biên cương mồ viễn xứ*<br>.....<br>*Sông Mã gầm lên khúc độc hành"*<br><br>-Sử dụng từ Hán Việt cổ kính: *"Rải rác biên cương mồ viễn xứ"*, tạo không khí trang trọng, thiêng liêng, làm giảm nhẹ cái bi thương của hình ảnh những nấm mồ chiến sĩ rải rác nơi rừng hoang biên giới lạnh lẽo, xa xôi.<br>+ Phủ định từ "*chẳng"* (khác với *không*- sắc thái trung tính) và cách nói hoán dụ "*Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh",* thái độ kiên quyết hi sinh vì Tổ quốc, lí tưởng quên mình thật cao đẹp làm vơi đi cái đau thương.<br>+ Cách nói giảm nói tránh "*anh về đất"*, làm vơi đi cảm giác đau thương, ẩn chứa hàm nghĩa: chết là hoá thân với đất mẹ, là hoá thân với non sông đất nước, cái chết trở thành bất tử cùng hồn thiêng sông núi.<br>*+ Áo bào thay chiếu:* sự thật bi thảm: những người lính Tây Tiến gục ngã bên đường không có đến cả manh chiếu để che thân, phải mai táng bằng chính chiếc áo các anh mặc hàng ngày. Bằng cảm hứng lãng mạn dưới góc nhìn của Quang Dũng người lính Tây Tiến không may ngã xuống như được khoác trên mình tấm "*áo bào":* nghe trang trọng, thiêng liêng, thể hiện tình cảm yêu thương đồng đội.<br>+ Biện pháp nhân hoá + động từ "*gầm"*: dữ dội, hào hùng → âm thanh làm át đi cảm xúc bi thương: gợi về sự ra đi của những anh hùng nghĩa sĩ thuở xưa<br>→ đưa tiễn người là khúc nhạc bi tráng của núi sông<br>→ cái chết thấm đẫm tinh thần bi tráng<br>=> Giọng thơ trang trọng: thể hiện tình cảm tiếc thương và sự trân trọng, kính cẩn trước sự hi sinh của đồng đội. Hai cảm hứng lãng mạn và bi tráng đan cài dựng nên tượng đài bất tử trong thơ.<br>**d. Nhớ về tinh thần người lính Tây Tiến**<br>- Cách nói khẳng định: "*Tây Tiến người đi không hẹn ước*" → tô đậm cái không khí chung của một thời Tây Tiến với lời thề kim cổ: ra đi không hẹn ngày về, một đi không trở lại (*nhất khứ bất phục hoàn*) |
| **Nhiệm vụ 4:**<br>**B1. Chuyển giao nhiệm** | - Đường lên Tây Tiến: *"thăm thẳm, chia phôi"*: nỗi xót xa khi đã xa đồng đội, khi nghĩ đến đường lên Tây Tiến xa xôi, vời vợi. |

| | |
|---|---|
| Hình tượng đoàn binh Tây Tiến được gợi ra qua những từ ngữ, hình ảnh nào? Khái quát đặc điểm của hình tượng này<br>Đánh giá nội dung, nghệ thuật của đoạn thơ<br>**B2. Thực hiện nhiệm vụ**<br>- Học sinh thực hiện trả lời câu hỏi<br>- Nhóm lớn - hoàn thành nội dung<br>**B3. Báo cáo thảo luận**<br>Nhóm đôi thảo luận để hoàn thành bảng; Đại diện báo cáo kết quả<br>**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**<br>Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản<br><br><br><br>**Nhiệm vụ 5:**<br>**B1. Chuyển giao nhiệm**<br>- Phân tích một số hình thức tổ chức ngôn ngữ đặc biệt trong bài thơ Tây Tiến.<br>- Chỉ ra một số biểu hiện của phong cách lãng mạn trong bài thơ. Phân tích một biểu hiện mà em cho là đặc sắc.<br><br>**B2. Thực hiện nhiệm vụ**<br>- Học sinh thực hiện trả lời câu hỏi<br>- Nhóm lớn - hoàn thành nội dung<br><br>**B3. Báo cáo thảo luận**<br>Nhóm đôi thảo luận để hoàn thành bảng; Đại diện báo cáo kết quả<br><br>**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**<br>Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản | - Nhà thơ khẳng định tâm hồn mình thuộc về Tây Tiến:<br>*"Ai lên Tây Tiến mùa xuân ấy*<br>*Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi"*<br>+ *Mùa xuân ấy:* thời điểm lịch sử không bao giờ trở lại → mốc thương nhớ vĩnh viễn trong trái tim những người lính Tây Tiến một thời<br>+ Cách nói đối lập: *Sầm Nứa >< về xuôi*<br>(tâm hồn) (thể xác)<br>→ Sự gắn bó sâu nặng với đoàn quân Tây Tiến: dù đã rời xa nhưng tâm hồn, tình cảm vẫn đi cùng đồng đội, vẫn gắn bó máu thịt với những ngày, những nơi đã đi qua<br>=> Nhịp thơ chậm, giọng thơ trầm buồn nhưng vẫn toát lên vẻ hào hùng, ý chí, quyết tâm của người lính Tây Tiến<br>**3. Ngôn ngữ và biểu tượng**<br>– Trong bài thơ *Tây Tiến*, một số câu thơ được tổ chức theo hình thức ngôn ngữ đặc biệt (khác với lời nói thông thường) như: "Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi"; "Mường Lát hoa về trong đêm hơi"; "Heo hút cồn mây súng ngửi trời"; "Gục lên súng mũ bỏ quên đời"; "Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi".<br>Ví dụ:<br>– "Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm", sử dụng "dốc thăm thẳm": kết hợp từ mới mẻ vì "thăm thẳm" là từ chỉ độ sâu chứ không phải độ cao.<br>– "Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi", sử dụng toàn thanh bằng: gợi vẻ đẹp yên bình, nhẹ nhàng của vùng núi Tây Bắc.<br>**4. Phong cách lãng mạn**<br>– Một số biểu hiện của phong cách lãng mạn trong bài thơ *Tây Tiến*:<br>+ Cảm hứng: Khẳng định, ngợi ca lí tưởng cứu nước, khí phách anh hùng và sự hi sinh cao cả của người lính Tây Tiến.<br>+ Hình tượng: Khám phá, khắc hoạ vẻ đẹp tâm hồn tinh tế, phóng khoáng, mơ mộng, lãng mạn của người lính Tây Tiến.<br>+ Ngôn ngữ: Sự sáng tạo trong tổ chức theo hình thức ngôn ngữ đặc biệt, hình ảnh độc đáo.<br>+ Sử dụng nhiều yếu tố tương phản: khi khắc hoạ hình tượng thiên nhiên Tây Bắc và hình tượng đoàn quân Tây Tiến. |

**Nội dung 3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Khái quát lại toàn bộ nội dung, nghệ thuật của văn bản

**b. Nội dung:** Giáo viên nêu nhiệm vụ, học sinh làm việc cá nhân

**c. Sản phẩm của học tập:**

- Câu trả lời của học sinh, bằng giấy nháp, ghi lại kết quả làm việc cá nhân
- Hoàn thành phiếu học tập

**d. Tổ chức thực hiện:**

| Hoạt động của Gv và Hs | Dự kiến sản phẩm |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**:<br>GV hướng dẫn HS tổng hợp kiến thức bài học<br>**Tích hợp lí tưởng, đạo đức, cách mạng, lối sống*<br><br>* Chia nhóm nhỏ và giao nhiệm vụ:<br>**Nhóm 1:**<br>GV trực tiếp hướng dẫn để nhóm 1 tổng hợp kiến thức chung về bài học.<br>**Nhóm 2:**<br>Nêu nhận xét khái quát về bức trnah thiên nhiên trong bài thơ<br>**Nhóm 3:**<br>Nêu nhận xét về hình tượng người lính Tây Tiến được thể hiện trong bài thơ.<br>**Nhóm 4:**<br>Nhận xét về các giá trị nghệ thuật<br>**Bước 2.** Thực hiện nhiệm vụ đã phân công<br>**Bước 3.** Các nhóm hoàn thành phiếu học tập và trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nhận xét góp ý bổ sung<br>GV kiểm tra phiếu học tập sau tiết học.<br>**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**<br>- GV nhận xét và chốt kiến thức. | **III. Tổng kết**<br>*Về nội dung:<br>Thông qua nỗi nhớ về một đơn vị, một vùng đất, một quãng đời chiến đấu, bài thơ đã thể hiện hào khí của tuổi trẻ Việt Nam trong buổi đầu chống Pháp đầy gian lao.<br>*Giá trị nghệ thuật<br>**- Cảm hứng lãng mạn** trong văn học là cảm hứng khẳng định cái tôi tràn đầy tình cảm, cảm xúc, hướng về lí tưởng. Nó đi tìm cái đẹp trong những cái khác lạ, phi thường độc đáo, vượt lên những cái tầm thường, quen thuộc của đời sống hàng ngày, nó đề cao nguyên tắc chủ quan, phát huy cao độ sức mạnh của trí tưởng tượng liên tưởng. Cảm hứng lãng mạn cũng thường tìm đến cách diễn đạt khoa trương, phóng đại, đối lập, ngôn ngữ giàu tính biểu cảm và tạo được ấn tượng mạnh mẽ.. Cảm hứng lãng mạn đã trở thành cảm hứng chủ đạo trong sáng tác, nó nâng đỡ con người có thể vượt lên mọi thử thách trong máu lửa của chiến tranh gian khổ để hướng đến ngày chiến thắng. Có thể nói đây là dòng cảm hứng xuyên suốt bài thơ, đọng lại trong lòng người nghe những thanh vang về nét đẹp con người, thiên nhiên Tây Bắc. Thiên nhiên nơi đây hiện lên thật nên trơ, trữ tình:<br>**- Âm hưởng bi tráng.** Bi tráng trong tác phẩm văn học được thể hiện ở việc miêu tả hiện thực, không né tránh cái bi, tức cái gian khổ, đau thương. Cái bi nhưng không phải là bi lụy mà là bi tráng, hào hùng. Là cái chết nhưng không bi lụy mà là cái chết hào hùng lẫm liệt, cái chết đi vào cõi bất tử. Cái bi thường được biểu hiện ở giọng điệu, âm hưởng, màu sắc tráng lệ hào hùng.<br>- Trên nền thiên nhiên Tây Bắc dữ dội và huyền ảo, nhà thơ tô đậm hình ảnh đoàn quân Tây Tiến hào hùng và hào hoa bằng bút pháp lãng mạn, nhưng không thoát li hiện thực và cảm hứng bi tráng. Bài thơ viết về chiến tranh, nhưng Quang Dũng không hề nói đến trận đánh, tiếng súng. Nhưng người đọc vẫn hình dung được sự khốc liệt của chiến tranh. Bởi bài thơ viết nhiều về sự hi sinh của người lính. Nhưng bằng ngòi bút tài hoa lãng mạn và cảm hứng bi tráng, Quang Dũng đã miêu tả điều đó một cách thấm thía, xúc động, hào hùng. |

## HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu hoạt động:** Dựa vào nội dung bài học giáo viên tổ chức cho học sinh kết nối đọc – viết để đánh giá năng lực cảm thụ tác phẩm của học sinh cuối bài

**b. Nội dung thực hiện:** Giáo viên yêu cầu học sinh viết đoạn văn khoảng 150 chữ trình bày cảm nhận của em về một nét đẹp của hình tượng người lính Tây tiến
**c. Sản phẩm:** Học sinh viết đoạn văn
**d. Tổ chức thực hiện**

| Hoạt động của GV và HS | Dự kiến sản phẩm |
|---|---|
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**<br>Giáo viêm giao nhiệm vụ<br>yêu cầu học sinh viết đoạn văn khoảng 150 chữ trình bày cảm nhận của em về một nét đẹp của hình tượng người lính Tây tiến<br>Chú ý phải nói được nội dung và nghệ thuật.<br>**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**<br>Học sinh thực hiện câu trả lời<br>**Bước 3. Báo cáo, thảo luận**<br>Học sinh lựa chon ô chữ bí ẩn, trả lời câu hỏi<br>**Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện**<br>GV chốt ý theo bài làm của HS<br>***Tích hợp phát triển năng lực số:**<br>*2.2.NC1a Sử dụng ứng dụng trình chiếu (PowerPoint/Google Slides) để tổ chức và chia sẻ nội dung, hình ảnh, video về bài thơ trong bài báo cáo nhóm, phát huy năng lực hợp tác và giao tiếp.* | **IV. LUYỆN TẬP**<br>**Bài làm tham khảo**<br>Đọc bài thơ Tây Tiến của tác giả Quang Dũng, người đọc chúng ta vô cùng ấn tượng với nhiều vẻ đẹp rất đáng trân trọng của người lính Tây Tiến. Một trong những vẻ đẹp tiêu biểu đó chính là tinh thần lạc quan, yêu đời,. Trên con đường hành quân đầy gian khổ, gập ghềnh, những chành trai trí thức Hà Nội luôn mở rộng lòng mình đón nhận bức tranh thiên nhiên của núi rừng Tây Bắc "hoa về trong đêm hơi". Núi cao, vực sâu, khi vượt qua những địa hình hiểm trở, dường như họ không nghĩ đến những mệt mỏi, vất vả, gian khổ, thiếu thốn mà người đọc nhận thấy một sự lạc quan, yêu đời, trẻ trung chất lính qua cách dùng từ vô cùng độc đáo của tác giả "súng ngửi trời" hay như "cọp trêu người". Qua cách dùng những động từ "ngửi, trêu" của tác giả gợi cho người đọc chúng ta thấy binh đoàn Tây Tiến với tinh thần lạc quan đã vượt lên mọi hoàn cảnh khó khăn. Có thể bệnh tật hoành hành, thậm chí có cả hi sinh nhưng những người lính luôn hướng về phía trước, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng, "chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh". Bằng bút pháp hiện thực kết hợp với cảm hứng lãng mạn tác giả Quang Dũng đã làm nổi bật nét đẹp trẻ trung, yêu đời của người lính Tây Tiến trong thời kì kháng chiến chống Pháp. |

## HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu hoạt động:** Học sinh tham gia trò chơi ô chữ bí ẩn, để hệ thống lại một số kiến thức đã học
**b. Nội dung thực hiện:** GV đưa vấn đề: Giáo viên trình chiếu trò chơi ô chữ và cho học sinh lựa chọn ô chữ yêu thích để khám phá.
**c. Sản phẩm:** Bài viết sáng tạo, trình chiếu của HS
**d. Tổ chức thực hiện:**

| Hoạt động của GV và HS | Dự kiến sản phẩm |
|---|---|
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**<br>Giáo viêm giao nhiệm vụ<br>Câu 1, 7 chữ cái, bài thơ Tây Tiến được in trong tập thơ này?<br>Câu 2, 14 chữ cái, Quang Dũng là nhà thơ của …<br>Câu 3, 13 chữ cái, vẻ đẹp nổi bật của hồn thơ Quang Dũng | - Mây đầu ô<br>- Xứ Đoài hoa trắng<br>- Tài hoa, lãng mạn<br>- Pha Luông<br>- Nỗi nhớ |

| | |
|---|---|
| Câu 4, 8 chữ cái, tên địa danh xuất hiện trong bài thơ Tây Tiến<br>Câu 5, từ khóa, có 6 chữ cái, đây là một tính từ thể hiện cảm xúc chủ đạo xuyên suốt bài thơ Tây Tiến.<br>**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**<br>Học sinh thực hiện câu trả lời<br>**Bước 3. Báo cáo, thảo luận**<br>Học sinh lựa chọn ô chữ bí ẩn, trả lời câu hỏi<br>**Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện**<br>GV chốt ý theo bài làm của HS | |

**4. Củng cố:** Học sinh về xem lại bài học

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Tìm hiểu thêm về những bài thơ viết về đề tai người lính thời kì kháng chiến chống Pháp, và cho biết điểm chung của người lính trong những bài thơ ấy. Mỗi nhóm tạo một bài thuyết trình Powertpoint, để buổi sau trình bày.
- Bài sau: chuẩn bị bài mới Đàn ghi ta của Lor-ca – Thanh Thảo

**PHÂN TÍCH PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SỐ CHO HỌC SINH**

| TT | Tên hoạt động | Tổ chức dạy học | Năng lực số |
|---|---|---|---|
| 1 | Hoạt động hình thành kiến thức | - Yêu cầu HS tìm kiếm tư liệu, xử lý tư liệu và trình bày trước lớp. | 1.1.NC1a Tra cứu tiểu sử, sự nghiệp Quang Dũng. Tìm kiếm thông tin, hình ảnh về thiên nhiên Tây Bắc (Mường Lát, Pha Luông, Sài Khao) và chân dung người lính Tây Tiến để cảm thụ sâu sắc. |
| 2 | Hoạt động luyện tập | Yêu cầu HS sử dụng các công cụ số (Google Docs, trình chiếu) để chia sẻ kết quả nghiên cứu nhóm, thảo luận, hoặc trình bày bài phân tích của mình . | 2.2.NC1a Sử dụng ứng dụng trình chiếu (PowerPoint/Google Slides) để tổ chức và chia sẻ nội dung, hình ảnh, video về bài thơ trong bài báo cáo nhóm, phát huy năng lực hợp tác và giao tiếp. |

**Tiết:16,17**

## VĂN BẢN 3: ĐÀN GHI TA CỦA LOR-CA
**(Thanh Thảo)**

## I. MỤC TIÊU

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung:** Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

**- Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn**.**

**- Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

**- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Năng lực đặc thù:** Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **đọc, giúp HS:**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố nghệ thuật của thơ trữ tình hiện đại như: ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực,... được thể hiện trong bài thơ *Đàn ghi ta của Lor-ca*. Qua đó, cảm nhận được vẻ đẹp bi tráng của hình tượng Lor-ca và sự đồng cảm, thương tiếc, ngưỡng vọng sâu sắc của Thanh Thảo với cuộc đời, số phận và thơ ca của Lor-ca.
- Rèn luyện kĩ năng phân tích, bình giảng một bài thơ được viết theo phong cách thơ hiện đại, có yếu tố tượng trưng và siêu thực.

**2. Phẩm chất:** Đánh giá, phê bình, thể hiện được suy nghĩ, cảm xúc của cá nhân khi tiếp nhận văn bản thơ.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Thiết bị:** Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, A3, giấy nhớ hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

**2. Học liệu:** SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

### 1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG ( 5 phút)

**a. Mục tiêu**:
- Kết nối tri thức
- Tạo hứng thú
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức

**b. Nội dung hoạt động:** HS quan sát các bức tranh trên màn hình và trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV nêu vấn đề:
- Theo em, những bức tranh sau nói gì?

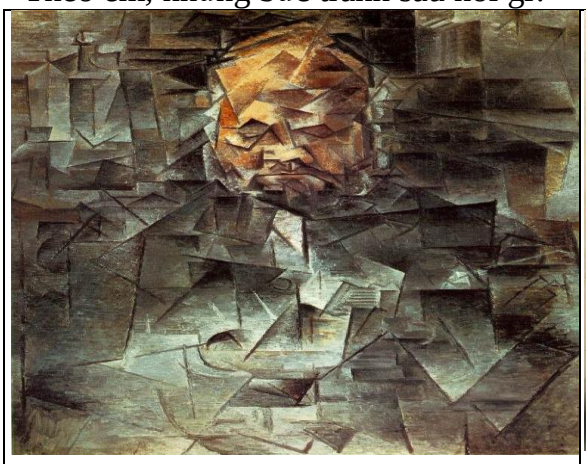

- Từ những bức tranh trên, em liên tưởng đến trường phái/chủ nghĩa nghệ thuật nào? Hãy chia sẻ ngắn gọn hiểu biết của mình về chủ nghĩa nghệ thuật đó.

**Bước 2 : Thực hiện nhiệm vụ**
- HS quan sát tranh, nghe câu hỏi, suy nghĩ trả lời cá nhân.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**
- GV gọi 3-5 HS xung phong trả lời nhanh theo cảm nhận và hiểu biết cá nhân.
- HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý, bổ sung, phản biện.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**
- GV dự kiến kết quả:

+ **Bức tranh thứ nhất:** *Chân dung Ambroise Vollard* là một trong những bức tranh nổi

tiếng của Picasso, hoàn thành vào năm 1910. Tác phẩm vẽ chân dung của Ambroise Vollard, một nhà môi giới nghệ thuật và nhà báo nổi tiếng thế kỷ 20. Họa sĩ Picasso đã sử dụng các hình khối không đồng nhất để tái hiện hình ảnh nhân vật, tạo ra một tác phẩm độc đáo và sáng tạo.

+ **Bức tranh thứ hai:** *Con mèo nuốt chửng một con chim* là một bức tranh nổi tiếng được Picasso vẽ vào năm 1939 khơi gợi những liên tưởng độc đáo được xem như một biểu tượng của sự ám ảnh và sức mạnh tự nhiên; trong khi có người lại khẳng định: Không, bức tranh này không nói về mèo. Anh ấy nói về tình hình ở Tây Ban Nha, giữa Nội chiến sắp kết thúc với chiến thắng của Franco.

- GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS, trao thưởng hoặc cho điểm.

- GV dẫn vào bài: Những bức tranh nổi tiếng của họa sĩ người Tây Ban Nha gợi chúng ta liên tưởng đến trường phái Siêu thực (Surrealism) là khuynh hướng nghệ thuật bắt nguồn từ chủ nghĩa Tượng trưng và phân tâm học, đặt phi lý tính lên trên lý tính. Theo chủ trương, khuynh hướng này nhằm giải phóng con người khỏi mọi xiềng xích xã hội, thể hiện nội tâm và tư duy tự nhiên, không bị gò bó bởi lý trí, lôgic, luân lý, mỹ học, kinh tế, tôn giáo. Những sáng tác của những nghệ sĩ Siêu thực ghi chép tất cả những trạng thái tâm lý luôn luôn chuyển biến trong tiềm thức, không phân biệt thực hay mộng, tỉnh hay điên, đúng hay sai. Đó là nghệ thuật, nghệ thuật luôn gắn liền với những biểu tượng, khơi mở những trường liên tưởng phong phú, độc đáo. Hôm nay cô trò mình cùng đến với một bài thơ nhuốm màu sắc tượng trưng siêu thực mang tên *Đàn ghi ta của Lor-ca* của nhà thơ Thanh Thảo để cảm nhận nhé!

## 2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( … phút)

### 2.1. Đọc và tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm

**a. Mục tiêu:** Nêu được ấn tượng chung về tác giả và tác phẩm.

**b. Nội dung hoạt động:** Thuyết trình kiến thức chung về tác giả và tác phẩm.

**c. Sản phẩm:** HS thảo luận cặp đôi hoàn thành phiếu học tập và thuyết trình về tác giả, tác phẩm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ<br>
- GV nêu yêu cầu HS:<br>
+ Đọc lướt văn bản, nghiên cứu kiến thức chung về tác giả, tác phẩm và hoàn thành phiếu học tập.<br>
Bảng kiến thức tìm hiểu chung về tác giả
<table>
<tr><th colspan="2">Phương diện tìm hiểu</th><th>Nội dung cụ thể</th></tr>
<tr><td colspan="2">Tên tuổi</td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2">Quê quán</td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2">Cuộc đời</td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2">Tác phẩm chính</td><td></td></tr>
<tr><td rowspan="3">Phong cách thơ Thanh Thảo</td><td>Đề tài</td><td></td></tr>
<tr><td>Cách tiếp cận cuộc sống</td><td></td></tr>
<tr><td>Hướng cách tân</td><td></td></tr>
</table>
</td><td>
II. Đọc và tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm<br>
1. Tác giả<br>
Bảng phụ lục đi kèm (bên dưới)<br>
2. Tác phẩm<br>
Bảng phụ lục đi kèm (bên dưới)
</td></tr>
</table>

| | | |
|---|---|---|
| | Tư duy thơ | |

**Bảng kiến thức tìm hiểu chung về tác phẩm**

| Phương diện tìm hiểu | | Nội dung cụ thể |
|---|---|---|
| Xuất xứ | | |
| Thể thơ | | |
| Đặc điểm nổi bật | | |
| Bố cục | Từ… | |
| | Từ… | |
| | Từ… | |
| | Từ… | |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Đại diện HS trình bày kết quả trao đổi.
- HS nhận xét lẫn nhau.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

- GV nhận xét, chốt kiến thức.
- GV hướng dẫn HS xem Clip giới thiệu tác giả, tác phẩm: https://www.youtube.com/watch?v=nPkscI4oiRM

**Bảng kiến thức tìm hiểu chung về tác giả**

| Phương diện tìm hiểu | | Nội dung cụ thể |
|---|---|---|
| Tên tuổi | | Thanh Thảo tên khai sinh là Hồ Thành Công, sinh năm 1946 |
| Quê quán | | Huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi |
| Cuộc đời | | - Tốt nghiệp Khoa Ngữ văn trường Đại học tổng hợp Hà Nội, ông vào công tác ở chiến trường miền Nam. Từ mấy thập niên trước, ông đã được công chúng chú ý qua những tập thơ và trường ca mang diện mạo độc đáo viết về chiến tranh và thời hậu chiến.<br>- Năm 2001, ông được tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật. |
| Tác phẩm chính | | *Những người đi tới biển, Dấu chân qua trảng cỏ, Những ngọn sóng mặt trời, Khối vuông ru-bích, Từ một đến một trăm*... Ngoài ra, ông còn viết báo, tiểu luận, phê bình văn học và nhiều thể loại khác. |
| Phong cách thơ Thanh Thảo | Đề tài | Thơ Thanh Thảo là tiếng nói của người tri thức nhiều suy tư, trăn trở về các vấn đề xã hội và thời đại. |
| | Cách tiếp cận cuộc sống | Ông luôn muốn cuộc sống được cảm nhận và thể hiện ở bề sâu nên luôn khước từ lối thể hiện dễ dãi. |
| | Hướng cách tân | Ông là một trong số những cây bút luôn nỗ lực cách tân thơ Việt với xu hướng đào sâu vào cái tôi nội cảm, tìm kiếm những cách biêu đạt mới qua hình thức câu thơ tự do, xóa bỏ mọi ràng buộc, |

| | | |
|---|---|---|
| | | khuôn sáo bằng nhịp điệu bất thường để mở đường cho một cơ chế liên tưởng phóng khoáng nhằm đem đến cho thơ một mĩ cảm hiện đại với hệ thống thi ảnh và ngôn ngữ hiện đại. |
| | Tư duy thơ | Giàu suy tư, mãnh liệt, phóng túng trong xúc cảm và nhuốm màu sắc tượng trưng siêu thực. |

**Bảng kiến thức tìm hiểu chung về tác phẩm**

| **Phương diện tìm hiểu** | | **Nội dung cụ thể** |
|---|---|---|
| Xuất xứ | | Rút trong tập *Khối vuông Ru-bích* |
| Thể thơ | | Thơ tự do |
| Đặc điểm nổi bật | | Thể hiện tư duy thơ Thanh Thảo: giàu suy tư, nhuốm màu sắc tượng trưng, siêu thực. |
| Bố cục | Từ câu 1 – 6 | Lor-ca - con người tự do, nghệ sĩ cách tân trong khung cảnh chính trị, nghệ thuật Tây Ban Nha. |
| | Từ câu 7 - 18 | Lor-ca với cái chết oan khuất và nỗi xót xa về sự dang dở của khát vọng cách tân nghệ thuật. |
| | Từ câu 19 - 22 | Niềm xót thương Lor-ca. |
| | Từ câu 23 - 31 | Suy tư về cuộc giải thoát và cách giã từ của Lor-ca. |

### 2.2: Đọc và khám phá văn bản

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố nghệ thuật của thơ trữ tình hiện đại như: ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực,...được thể hiện trong bài thơ *Đàn ghi ta của Lor-ca.*
- Qua đó, cảm nhận được vẻ đẹp bi tráng của hình tượng Gác-xi-a Lor-ca và sự đồng cảm, thương tiếc, ngưỡng vọng sâu sắc của Thanh Thảo với cuộc đời, số phận và thơ ca của Lor-ca.

**b. Nội dung hoạt động**: HS hoạt động cá nhân và nhóm để tìm hiểu làm rõ các vấn đề: Dòng mạch cảm xúc - Hình tượng Lor-ca - Ngôn ngữ và nhạc tính - Biểu tượng và yếu tố tượng trưng, siêu thực qua cuộc thi *Đàn ghi ta của Lor-ca -Thế giới nào vẫy gọi*?

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của cá nhân và nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
|---|---|
| **NV1. Đọc và cảm nhận ban đầu về văn bản**<br>**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**<br>- GV lưu ý HS:<br>+ Cách đọc một bài thơ tự do, với cách ngắt, ngừng giọng khá linh hoạt, phóng túng.<br>+ Chú ý đến các thẻ đọc để nhấn mạnh những điểm tạo nên nhạc tính của bài thơ, những chi tiết thể hiện hình ảnh cây đàn và hình tượng Lor-ca, những cung bậc tình | **II. Đọc và khám phá văn bản**<br>**1. Đọc và cảm nhận ban đầu về văn bản**<br>**- Lời đề từ:** "Khi tôi chết hãy chôn tôi với cây đàn", thể hiện niềm đam mê nghệ thuật và lời nhắn gửi hãy biết quên nghệ thuật của Lor-ca để tìm hướng đi mới.<br>**- Nhạc tính của dòng thơ miêu tả tiếng đàn:** Li-la li-la li-la là hiện tượng láy âm, gợi hợp âm của tiếng đàn.<br>**- Hình ảnh áo choàng:** thể hiện cái chết của Lor-ca, cái chết tàn bạo và kinh hoàng.<br>**- Những hình ảnh biểu tượng:**<br>"*tiếng ghi ta lá xanh biết mấy*<br>*tiếng ghi ta tròn bọt nước vỡ tan*<br>*tiếng ghi ta ròng ròng*<br>*máu chảy* " |

| | |
|---|---|
| cảm cần thể hiện theo mạch cảm xúc của bài thơ.<br>- GV nêu vấn đề: Em có cảm nhận gì về lời đề từ, nhạc tính của dòng thơ miêu tả tiếng đàn, hình ảnh áo choàng, những hình ảnh biểu tượng và cái chết của Lor-ca?<br>**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**<br>HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân đọc theo chỉ dẫn của GV, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.<br>**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**<br>- GV gọi 1-2 HS đọc văn bản. - GV gọi 3-5 HS xung phong trình bày cảm nhận nhanh.<br>- HS nhận xét lẫn nhau.<br>**Bước 4: Đánh giá, kết luận**<br>- GV nhận xét, chốt kiến thức.<br>**NV2. Khám phá văn bản**<br>**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**<br>- GV chia lớp thành 4 nhóm thảo luận, chọn cách thức chuẩn bị cuộc thi: *Đàn ghi ta của Lor-ca -Thế giới nào vẫy gọi*?<br>**Nhóm 1 - Thế giới của cảm xúc**<br>**NV:** Xác định mạch cảm xúc trong bài thơ.<br>**Nhóm 2 - Thế giới của Lor-ca**<br>**NV:**<br>- Hình tượng Lor-ca được thể hiện như thế nào trong hai đoạn thơ đầu? Những chi tiết nào trong hai đoạn thơ cho thấy mối quan hệ giữa người nghệ sĩ với đất nước Tây Ban Nha.<br>- Chỉ ra và phân tích hiệu quả của biện pháp tu từ được | => Biểu tượng cho nỗi đau uất nghẹn; hình ảnh vừa biểu tượng nhưng cũng rất thực tế góp phần thể hiện cái chết kinh hoàng của Lor-ca.<br>**- Hình dung về cái chết và sự bất tử của Lor-ca:**<br>+ "*Đường chỉ tay đã đứt*" => cái chết đã được dự báo từ trước.<br>+ "*Lor-ca bơi sang ngang*<br>*trên chiếc ghi ta màu bạc*"<br>=> giải thoát và vẫn đam mê với nghệ thuật => tình yêu nghệ thuật là bất tử.<br>**2. Khám phá văn bản**<br>**a. Dòng mạch cảm xúc**<br>Niềm yêu mến và ngưỡng mộ trước hình ảnh Lor-ca, người nghệ sĩ tự do và đơn độc.<br>↓<br>Đau đớn, xót xa trước cái chết oan khuất của Lor-ca và nỗi tiếc nuối về sự dang dở của khát vọng cách tân nghệ thuật.<br>↓<br>Niềm xót thương không vơi bớt gửi qua hình ảnh tiếng đàn.<br>↓<br>Suy ngẫm về hình ảnh Lor-ca - cái chết và sự bất tử.<br>**b. Đối tượng của cảm xúc: Hình tượng Lor-ca – thực và siêu thực**<br>*** Hình tượng Lor-ca**<br>***- Lor-ca, người nghệ sĩ tự do và đơn độc***<br>+ Hình ảnh "áo choàng đỏ": Gợi bản sắc văn hoá Tây Ban Nha và hình ảnh Lor-ca như một đấu sĩ với khát vọng dân chủ trước nền chính trị Tây Ban Nha độc tài lúc bấy giờ.<br>+ Âm thanh tiếng đàn: Đàn ghi ta là nhạc cụ của người Tây Ban Nha, thể hiện tài năng nghệ thuật của Lor-ca với khát vọng cách tân nghệ thuật.Tiếng đàn bọt nước: đẹp, mong manh mà sinh sôi bất tận như "bọt nước". Sắc thắm dịu dàng của hoa li la (tử đinh hương) đang nở ra bát ngát trên từng giai điệu >< bối cảnh chính trị Tây Ban Nha.<br>+ Hình ảnh người nghệ sĩ "đi lang thang"; "vầng trăng chếnh choáng"; "yên ngựa mỏi mòn"; hát nghêu ngao; li la...: Phong cách nghệ sĩ dân gian tự do; sự cô đơn của Lor-ca trước thời cuộc chính trị, trước nghệ thuật Tây Ban Nha già cỗi.<br>***- Lor-ca với cái chết oan khuất và nỗi xót xa về sự dang dở của khát vọng cách tân nghệ thuật***<br>+ Hình ảnh:<br>++ *Áo choàng bê bết đỏ*: Gợi cảnh tượng khủng khiếp về cái chết của Lor-ca.<br>+ *Tiếng ghi ta nâu*: trầm tĩnh, nghĩ suy (màu ấm nóng); *tiếng ghi ta lá xanh*: thiết tha, hi vọng; *tiếng ghi ta tròn bọt nước vỡ tan*: bàng hoàng, tức tưởi; *tiếng ghi ta ròng ròng máu chảy*: sự đau đớn, nghẹn ngào. |

| | |
|---|---|
| tác giả sử dụng khi miêu tả tiếng đàn trong đoạn thơ 3,4.<br>- Phân tích những hình ảnh đan xen giữa thực và ảo thể hiện cái chết và sự bất tử của Lor-ca trong hai đoạn thơ cuối.<br>**Nhóm 3 - Thế giới của ngôn ngữ và nhạc tính**<br>**NV:** Nhạc tính của bài thơ được tạo nên bởi những yếu tố nào? Nhận xét về âm hưởng, giọng điệu của thi phẩm này.<br>**Nhóm 4 – Thế giới của biểu tượng và yếu tố tượng trưng, siêu thực**<br>**NV:**<br>- Nêu ý nghĩa của những hình ảnh mang tính biểu tượng trong bài thơ.<br>- Xác định yếu tố tượng trưng, siêu thực trong bài thơ và nhận xét về tác dụng của chúng.<br>**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**<br>- HS trao đổi thảo luận nhóm theo nhiệm vụ đã giao.<br>- Mỗi nhóm đã chia ở trên chọn hình thức thể hiện phù hợp (Trò chơi, thuyết trình đơn hoặc đôi, giao lưu cùng khán giả,…) để thể hiện sản phẩm nhóm đồng thời thuyết phục khán giả tin theo thế giới của nhóm mình.<br>**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**<br>- GV lựa chọn HS làm MC dẫn chương trình (dựa trên hệ thống câu hỏi nhóm ở trên) thực hiện dẫn chương trình cuộc thi: *Đàn ghi-ta của Lor-ca - Thế giới nào vẫy gọi*?<br>- Theo dẫn dắt của MC, tập thể các nhóm hoặc đại diện HS các nhóm chọn hình thức | + Biện pháp tu từ:<br>++ Đối lập: *Hát nghêu ngao >< áo choàng bê bết đỏ* là sự đối lập giữa khát vọng và hiện thực phũ phàng (giữa tiếng hát yêu đời vô tư, giữa tình yêu cái đẹp và hành động tàn ác, dã man).<br>++ Nhân hoá: *Tiếng ghi ta... máu chảy.*<br>++ Hoán dụ: *Áo choàng, tiếng ghi ta.*<br>++ Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: tiếng đàn mang tâm tư, thành thân phận, linh hồn, sinh thể của người tạo ra nó.<br>++ Gieo vần "ây": khiến thơ như nhạc, nhạc như người. Tất cả như đang rướn mình lên kiên cường, không khuất phục.<br>=> **Khắc hoạ thật ấn tượng về cái chết đầy bi phẫn của người nghệ sĩ Lor-ca.**<br>=> **Tiếng lòng tri âm sâu sắc đối với người nghệ sĩ, thiên tài Lor-ca.**<br>**3. Ngôn ngữ và nhạc tính**<br>- Bài thơ có cấu trúc của một ca khúc bằng thơ: Chuỗi từ "li-la li-la li-la…" có tác dụng mô phỏng chuỗi âm thanh tiếng đàn ở phần dạo đầu và phần kết thúc tạo nên những dư âm sau khi lời hát đã ngừng.<br>- Nhịp thơ phong phú, thay đổi linh hoạt, làm cho lời thơ khi bổng khi trầm, khi ngắt quãng khi liền mạch.<br>- Nhiều dòng thơ liên kết nhau bằng sự hợp vần (đa số là vần thông), tạo nên sự liền mạch, ngân vang trong âm hưởng thơ (*hoàng - choàng), (ấy - mấy - chảy), (đàn - hoang - trăng), (ngang - gan),...*<br>- Sử dụng biện pháp điệp âm, điệp ngữ và các từ láy tạo nên sự dìu dặt, ngân nga cho các câu, đoạn và cả bài thơ (*lang thang, chếnh choáng, nghêu ngao, bê bết, ròng ròng, long lanh, đơn độc, mỏi mòn, sang ngang, tiếng ghi ta, tiếng đàn, ném,...*).<br>=> **Bài thơ mang âm hưởng của một khúc ca bi tráng về hình tượng người anh hùng, với giọng điệu vừa lắng đọng, xót thương, căm phẫn vừa bay bổng, hào sảng và kết lại với nhiều dư ba,...**<br>**4. Biểu tượng và yếu tố tượng trưng, siêu thực**<br>*** Biểu tượng trong bài thơ:**<br>***- Một số hình ảnh mang tính biểu tượng*:** *áo choàng, đàn ghi ta, bầu trời cô gái ấy, giọt nước mắt vầng trăng/ long lanh trong đáy giếng,...*<br>***- Ý nghĩa của những hình ảnh mang tính biểu tượng trong bài thơ*:**<br>+ *Áo choàng bê bết đỏ*: Gợi cảnh tượng khủng khiếp về cái chết của Lor-ca.<br>+ *Tiếng ghi ta nâu*: trầm tĩnh, nghĩ suy (màu ấm nóng); *tiếng ghi ta lá xanh*: thiết tha, hi vọng; *tiếng ghi ta tròn* |

| | |
|---|---|
| thể hiện phù hợp để thuyết phục khán giả<br>- Khán giả theo dõi, đánh giá bằng Bảng kiểm và có thể đặt câu hỏi tìm hiểu về bài học thông qua cuộc thi.<br>**Bước 4: Đánh giá, kết luận**<br>- GV chốt vấn đề.<br>- GV căn cứ vào Bảng kiểm của khán giả, nhận xét, đánh giá, tuyên dương, cho điểm hoặc trao thưởng cho những đại diện/nhóm có phần trình bày ấn tượng. | *bọt nước vỡ tan*: bàng hoàng, tức tưởi; *tiếng ghi ta ròng ròng máu chảy*: sự đau đớn, nghẹn ngào.<br>*+ giọt nước mắt vầng trăng/ long lanh trong đáy giếng*: giọt nước mắt sáng trong được ví với vầng trăng, vầng trăng nơi "đáy giếng" như giọt nước mắt muôn đời. Đem cái đẹp bao la, trường cửu đặt vào mặt nước nhỏ và sâu như một biểu tượng của niềm tin mãnh liệt nhưng âm thầm về sự bất tử của tiếng đàn Lor-ca...<br>*** Yếu tố tượng trưng, siêu thực trong bài thơ:**<br>***- Biểu hiện:*** Hình ảnh thơ được tạo bằng cách kết hợp những yếu tố hiện thực với các yếu tố hoang đường, kì ảo, gợi nhiều liên tưởng.<br>*+ Yếu tố tượng trưng:* những hình ảnh biểu tượng như áo choàng, vầng trăng, dòng sông, tiếng đàn,...<br>*+ Yếu tố siêu thực:* mối quan hệ giữa thực và mộng, giữa vô thức và ý thức, để giấc mơ và hiện thực sẽ chuyển hoá thành một hiện thực khác ẩn đằng sau những hiện thực thông thường có thể tri giác được ("đường chỉ tay đã đứt, dòng sông rộng vô cùng/ Lor-ca bơi sang ngang/ trên chiếc ghi ta màu bạc"; "chàng ném lá bùa cô gái Di-gan/vào xoáy nước";...).<br>***- Tác dụng:*** Tạo hình ảnh thơ cô đúc, có tính tượng trưng (thiên về gợi hơn là tả), logic liên kết giữa các hình ảnh thơ bị xoá mờ, kích thích sự liên tưởng, tạo ra hiệu quả "lạ hoá" và "độ mở" cho những suy tưởng tiếp nối của người đọc. |

**BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM TRÌNH BÀY NỘI DUNG THẢO LUẬN CỦA CÁC NHÓM**

| STT | Tiêu chí | Xuất hiện | Không xuất hiện |
|---|---|---|---|
| **1** | Thể hiện nội dung sơ sài, nghèo nàn. | | |
| **2** | Thể hiện được đúng đủ nội dung. | | |
| **3** | Thể hiện được sâu sắc nội dung. | | |
| **4** | Thuyết trình đơn điệu, kém hấp dẫn. | | |
| **5** | Thuyết trình sinh động, hấp dẫn, thuyết phục. | | |
| **6** | Cách thức thể hiện và nội dung hài hòa để lại ấn tượng sâu sắc với các bạn. | | |

### 2.3. Hướng dẫn tổng kết

**a. Mục tiêu:** Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS .

**d. Tổ chức thực hiện:**

| Hoạt động của GV và HS | Dự kiến sản phẩm |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** | **III. Tổng kết**<br>**1. Nội dung** |

| | |
|---|---|
| GV nêu vấn đề:<br>- Nội dung trọng tâm của văn bản là gì? Những yếu tố nào về nghệ thuật đã tạo nên sức hấp dẫn của văn bản?<br>**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**<br>- HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút.<br>- GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).<br>**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**<br>- GV gọi 2-3 HS trình bày 01 phút kết quả.<br>- HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung<br>**Bước 4: Đánh giá, kết luận**<br>GV nhận xét, chuẩn kiến thức. | - Bài thơ đã xây dựng được hình tượng Lor-ca với những khía cạnh khác nhau: một nghệ sĩ tự do và cô đơn, một cái chết oan khốc, bi phẫn bởi những thế lực tàn ác, một tâm hồn nghệ sĩ bất diệt.<br>- Lor-ca là một hình tượng bi tráng về người nghệ sĩ chân chính trong một môi trường bạo lực thống trị đã sống và chết rất cao đẹp. Qua việc thể hiện cái chết đau xót của Lor-ca, bài thơ còn là tiếng nói tri âm của Thanh Thảo với nghệ thuật chân chính và nghệ sĩ Lor-ca.<br>**2. Nghệ thuật**<br>- Hình thức nghệ thuật độc đáo: kết hợp hai yếu tố thơ và nhạc về kết cấu; mang phong cách tượng trưng pha màu sắc siêu thực rất gần gũi với phong cách thơ Lor-ca; hình ảnh thơ phong phú, ngôn từ mới mẻ hàm súc, giàu sức gợi.<br>- Sử dụng thành công những thủ pháp tiêu biểu của thơ siêu thực, đặc biệt là chuỗi hình ảnh ẩn dụ, biểu tượng. |

### 2.4. Hướng dẫn cách đọc hiểu một bài thơ được viết theo phong cách thơ hiện đại, có yếu tố tượng trưng và siêu thực

**a. Mục tiêu:** Giúp HS nắm được cách đọc hiểu một bài thơ được viết theo phong cách thơ hiện đại, có yếu tố tượng trưng và siêu thực.

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| Hoạt động của GV và HS | Dự kiến sản phẩm |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**<br>GV nêu câu hỏi: Qua trải nghiệm đọc hiểu bài thơ *Đàn ghi ta của Lor-ca* của Thanh Thảo, em hãy nêu cách đọc hiểu một bài thơ được viết theo phong cách thơ hiện đại, có yếu tố tượng trưng và siêu thực.<br>**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**<br>- HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra vở câu trả lời trong 02 phút.<br>- GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).<br>**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**<br>- GV gọi 3-5 HS trình bày 01 phút kết quả.<br>- HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.<br>**Bước 4: Đánh giá, kết luận**<br>GV chuẩn kiến thức. | **IV. Cách đọc hiểu một bài thơ được viết theo phong cách thơ hiện đại, có yếu tố tượng trưng và siêu thực.**<br>- Đọc và xác định bố cục - mạch cảm xúc.<br>- Đọc hiểu hình tượng nghệ thuật.<br>- Đọc hiểu những hình ảnh mang nghĩa biểu tượng; xác định những yếu tố tượng trưng, siêu thực và tác dụng của nó.<br>- Đánh giá giá trị của bài thơ. |

## 3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP ( 5 phút)

**a. Mục tiêu**: HS xác định được chủ đề của bài thơ và nhận diện yếu tố tượng trưng, siêu thực trong bài thơ trữ tình hiện đại.

**b. Nội dung**: HS đọc lại văn bản, trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời đúng của nhóm HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Nhiệm vụ**:

**Câu 1.** Nêu chủ đề của bài thơ. Bài thơ gợi suy nghĩ gì về sức mạnh của nghệ thuật trong đời sống?

**Câu 2.** Cách xác định yếu tố tượng trưng, siêu thực trong bài thơ trữ tình hiện đại.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS thực hiện nhiệm vụ nhóm theo bàn (khoảng 3 phút)

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV chọn đại diện 2-3 nhóm HS trình bày kết quả.
- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung nếu cần.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

Giáo viên nhận xét, hướng dẫn trả lời:

**Câu 1.**

**- Chủ đề của bài thơ:** Khắc hoạ cuộc đời nghệ sĩ Lor-ca với lí tưởng cách tân nghệ thuật và cái chết oan khuất, thể hiện niềm ngưỡng mộ, xót thương của tác giả đối với Lor-ca.

**- Bài thơ gợi suy nghĩ gì về sức mạnh của nghệ thuật trong đời sống:**

+ Suy nghĩ về sức mạnh của nghệ thuật qua tầm ảnh hưởng của tiếng đàn và người nghệ sĩ Lor-ca đối với đất nước Tây Ban Nha.

+ Cảm nhận về sứ mạng cao cả của nghệ thuật và những biểu tượng đẹp về hình ảnh người nghệ sĩ trong cuộc sống.

+ Nêu những thông điệp về vai trò của nghệ thuật đối với việc tạo động lực và khát vọng sống của bản thân.

**Câu 2. Cách xác định yếu tố tượng trưng, siêu thực trong bài thơ trữ tình hiện đại:**

- Rà kĩ văn bản, hiểu được nội dung của bài thơ.
- Tìm những hình ảnh có vẻ kì lạ, gắn kết với nhau theo một logic khác thường, cảm giác khó hiểu tạo một thế giới thơ có sự pha trộn giữa chiêm bao và tỉnh thức, giữa ảo giác và thực tế sẽ chuyển hoá thành một hiện thực khác ẩn đằng sau những hiện thực thông thường có thể tri giác được.
- Nêu tác dụng của những hình ảnh ấy.

## 4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG ( 5 phút)

**a. Mục tiêu**: Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về văn bản để thực hiện nhiệm vụ thực tiễn.

**b. Nội dung**: Thực hiện bài tập vận dụng.

**c. Sản phẩm**: Đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày cảm nhận về một nét đặc sắc trong hình thức biểu đạt của bài thơ *Đàn ghi ta của Lor-ca*.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**GV nêu yêu cầu:** Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày cảm nhận về một nét đặc sắc trong hình thức biểu đạt của bài thơ *Đàn ghi ta của Lor-ca*.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân ở nhà.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS nộp sản phẩm lên nhóm zalo của lớp hoặc gửi sản phẩm lên CLB truyền thông của nhà trường/ Facebook cá nhân.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

- GV tổ chức cho HS xem, bình chọn sản phẩm dựa theo Rubric.

- GV chọn ra 5 HS có sản phẩm chia sẻ hoặc like nhiều nhất sẽ đạt điểm cao nhất hoặc nhận được phần thưởng tuần học tốt.

**Rubric đánh giá đoạn văn**

| Tiêu chí | Mô tả tiêu chí | Điểm |
|---|---|---|
| **Hình thức** | Đảm bảo quy cách một đoạn văn với độ dài khoảng 150 chữ. | **1,5** |
| **Nội dung** | Cảm nhận về một nét đặc sắc trong hình thức biểu đạt của bài thơ *Đàn ghi ta của Lor-ca*. | |
| | Nêu được nét đặc sắc trong hình thức biểu đạt của bài thơ và lí giải vì sao. | **2,0** |
| | Bày tỏ cảm xúc và suy nghĩ về nét đặc sắc đó. | **5,0** |
| **Chính tả, ngữ pháp** | Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | **0,5** |
| **Sáng tạo** | Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt, ... | **1,0** |

**Tham khảo đoạn văn**

Thú vị và bất ngờ nhất là việc khảm vào mạch ấy những âm thanh như cách diễn tấu của nhạc công khi đệm cho người hát một ca khúc. Sự có mặt của hai chuỗi li-la li-la li-la ở phần đầu và phần kết là thế. Thú thực, khi mới đọc bài thơ này trong tập Khối vuông Rubic, tôi thấy cái chuỗi kia là một nét lạ, nhưng nhác nghĩ: lại một trò "tân hình thức" đây. Cha Thanh Thảo này cũng bày đặt gớm. Nhưng đọc kĩ hơn thì thấy hình như có một nghĩa lý nào đó hay hay, chứ không hẳn chỉ là những con âm rỗng nghĩa. Nhưng thực hư ra sao, thì cứ tù mà tù mù. Mãi sau, đọc kĩ hơn vào cấu trúc mới vỡ lẽ: té ra đây lại là sự giao duyên kì thú của thơ và nhạc. Cụ thể là giao thoa giữa thanh âm và thi ảnh. Mở đầu là hai câu: *Những tiếng đàn bọt nước/Tây Ban Nha áo choàng đỏ gắt*. Thanh Thảo chọn hai hình ảnh này khởi đầu một thi phẩm giống như kiểu tạo những âm chủ cho một nhạc phẩm. Chúng là những tương phản kín đáo mà gay gắt: âm thanh hồn nhiên - sắc màu chói gắt, tiếng đàn thảo dân - áo choàng đấu sĩ, vẻ khiêm nhường - sự ngạo nghễ, niềm hân hoan - nỗi kinh hoàng, nghệ thuật - bạo lực, thân phận bọt bèo - thực tại tàn khốc... Cặp hình ảnh cứ ngỡ tương phùng nào ngờ lại tương tranh. Nội dung chủ đạo mà thi phẩm triển khai sẽ là phận người trong một hiện thực đầy tranh chấp đối chọi như thế. Rồi ngay sau hai câu mào đầu đó là chuỗi âm thanh li-la li-la li-la. Nó như một chuỗi nốt đàn buông do người đệm đàn (ghi ta) lướt qua hàng dây để kết thúc phần dạo, đánh dấu khoảng ngắt cho người hát chính thức bắt lời trình diễn ca khúc. Và thi phẩm cũng kết thúc bằng sự trở lại của chuỗi âm thanh ấy. Nó tựa những tiếng đàn đệm cuối cùng nhằm tạo những dư âm sau khi lời hát đã ngừng. Đấy chẳng phải là một lối phối âm quen thuộc trong diễn tấu ca khúc sao? Mà cũng có thể hình dung nó như tiếng huýt sáo ngẫu hứng của người ca sĩ trên nền nhạc khi diễn tấu. Ngẫu hứng mà đầy xao xuyến. Khi âm thanh gây niềm xao xuyến thì tự nó cũng chất chứa thi vị chứ sao!...

(Trích *Bài thơ "Đàn ghi ta của Lorca" của Thanh Thảo*, Chu Văn Sơn, In trong tập *Thơ điệu hồn và cấu trúc*)

## HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các bài thơ được viết theo phong cách thơ hiện đại, có yếu tố tượng trưng và siêu thực.
- **Chuẩn bị bài:** Thực hành đọc: *Bài thơ số 28* (Ra-bin-đơ-ra-nát Ta-gor).

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Nguyễn Thị Bích, KHBD môn Ngữ văn lớp 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

**RÚT KINH NGHIỆM**

.....
.....
.....
.....
.....

**Tiết 18:**

## THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT
## TÁC DỤNG CỦA MỘT SỐ BIỆN PHÁP TU TỪ TRONG THƠ

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Nhận biết, phân tích được một số phép tu từ thường gặp trong thơ: nhân hóa, ẩn dụ, điệp ngữ, đối và biết phân tích tác dụng của chúng.

**2. Về năng lực:** Bài học góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS, giúp HS phân tích được các tác dụng của các biện pháp tu từ trên trong ngữ cảnh. Từ đó rèn luyện năng lực sử dụng ngôn ngữ, hỗ trợ cho các hoạt động đọc và viết.

**3. Về phẩm chất**: HS biết trân trọng, yêu mến và có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu (hoặc ti vi), máy tính, Giấy A0, A4, bảng phụ để HS làm việc nhóm.

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan,...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

### HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

**a. Mục tiêu**: Khơi gợi học trò nhớ lại kiến thức về các biện pháp tu từ đã học ở các lớp dưới.

**b. Nội dung:** Học sinh nêu được tên các biện pháp tu từ đã học; nhận biết được các ví dụ đưa ra thuộc các biện pháp tu từ.

**c. Sản phẩm:** Các biện pháp tu từ đã học: so sánh, nhân hoá, ẩn dụ, hoán dụ, điệp ngữ, chơi chữ, đảo ngữ, nói quá, nói giảm nói tránh,....

**d. Tổ chức thực hiện:**

| HĐ CỦA GV VÀ HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
|---|---|
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Giáo viên cho cả lớp hoàn thiện phiếu học tập.<br>***B2. Thực hiện nhiệm vụ:*** HS thực hiện nhiệm vụ tìm tên biện pháp tu từ và nối vào ví dụ tương ứng, ghi kết quả ra giấy. | **I. Khởi động**<br>- Các biện pháp tu từ đã học: So sánh, nhân hoá, ẩn dụ, hoán dụ, điệp ngữ, chơi chữ, đảo ngữ, nói quá, nói giảm nói tránh,...<br>**- Các ví dụ:**<br>**+ So sánh:**<br>*Nhớ ai bổi hổi bồi hồi*<br>*Như đứng đống lửa như ngồi đống than.* (Ca dao)<br>**+ Nhân hóa:** |

| | |
|---|---|
| **B3. Báo cáo thảo luận:** Tổ chức thảo luận và kết luận. Gv thu sản phẩm cử 3 học sinh trình bày kết quả.<br>**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét sản phẩm, đánh giá kết quả hoạt động của HS, từ đó gợi nhớ lại kiến thức về biện pháp tu từ đã học. | *Heo hút cồn mây súng ngửi trời* (*Tây Tiến*- Quang Dũng)<br>**+ Ẩn dụ:**<br>*Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi*<br>*Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng.*<br>*(Khúc hát ru những em bé lớn lên trên lưng mẹ*- Nguyễn Khoa Điềm)<br>**+ Hoán dụ:**<br>*Những trái tim như ngọc sáng ngời. (Mẹ Tơm* – Tố Hữu*)*<br>**+ Điệp ngữ:**<br>"*Nhớ sao ngày tháng cơ quan*<br>*Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo*<br>*Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều*<br>*Chày đêm nện cối đều đều suối xa…"* (*Việt Bắc*- Tố Hữu)<br>**+ Chơi chữ:**<br>*Con ngựa đá đá con ngựa đá.*<br>**+ Nói giảm nói tránh:**<br>*Anh bạn dãi dầu không bước nữa*<br>*Gục lên súng mũ bỏ quên đời. (Tây Tiến*- Quang Dũng*)*<br>**+ Đảo ngữ:**<br>*Lao xao chợ cá làng ngư phủ*<br>*Dắng dỏi cầm ve lầu tịch dương.*<br>***(****Cảnh ngày hè*- Nguyễn Trãi*)* |

## HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**a**. **Mục tiêu**: HS nhận biết được tác dụng của biện pháp tu từ nhân hoá, ẩn dụ, điệp và biện pháp tu từ đối.

**b. Nội dung:** HS đọc thu thập thông tin, nhận biết tác dụng của biện pháp tu từ nhân hoá, ẩn dụ, điệp  biện pháp tu từ đối thông qua bảng nối cột

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng, nhanh và kết quả thực hành bài tập của HS

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Nối cột A với cột B**

| A | Nối | B |
|---|---|---|
| **1.Tác dụng của biện pháp tu từ nhân hoá** | | *a) Buồn trông cửa bể chiều hôm*<br>*Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa*<br>*Buồn trông ngọn nước mới sa*<br>*Hoa trôi man mác biết là về đâu*<br>*Buồn trông nội cỏ dầu dầu*<br>*Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi*<br>( Trích Truyện Kiều – Nguyễn Du) |
| **2.Tác dụng của biện pháp tu từ đối** | | *b) Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ*<br>*Người khôn người đến chốn lao xao*<br>(Trích Nhàn - Nguyễn Bỉnh Khiêm) |
| **3. Ngữ liệu chứa biện pháp tu từ ẩn dụ** (trong một cặp câu) | | *c) Thuyền về có nhớ bến chăng*<br>*Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền*<br>(Ca dao) |
| **4. Ngữ liệu chứa biện pháp tu từ đối** (trong | | d) Làm cho sự vật vô tri vô giác trở nên cụ thể, sinh động gần gũi, có hồn hơn |

| | | |
|---|---|---|
| một cụm từ hoặc đối giữa hai vế câu) | | |
| **5. Ngữ liệu chứa biện pháp tu từ điệp ngữ** | | e) Tạo nên vẻ đẹp cân xứng, hài hòa cho lời thơ, câu văn, tăng hiệu quả diễn đạt. |

| HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
|---|---|
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**<br>- GV hướng dẫn HS xem lại phần Tri thức Ngữ văn tr.41 SGK tập 1 để nhận biết **biện pháp tu từ ẩn dụ, nhân hoá, điệp, đối**<br>**- GV chiếu** Bảng nối cột A với cột B<br>**Yêu cầu:** HS quan sát, thảo luận cặp đôi nhận biết tác dụng của biện pháp tu từ nhân hoá và biện pháp tu từ đối bằng nối cột<br>**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**<br>- HS đọc lại Tri thức Ngữ văn theo yêu cầu<br>- HS trao đổi, thảo luận cặp đôi hoàn thành bảng nối<br>- GV quan sát, khích lệ, động viên HS<br>**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**<br>- GV gọi đại diện cặp đôi trình bày kết quả nối cột<br>- HS còn lại chú ý quan sát, góp ý, bổ sung, nhận xét<br>**Bước 4: Đánh giá, kết luận**<br>GV đánh giá kết quả làm việc của HS theo Dự kiến sản phẩm<br>(ĐÁP ÁN: 1d, 2e, 3c, 4b, 5a) | **I. Nhận biết tác dụng của biện pháp tu từ nhân hoá, ẩn dụ, điệp, đối**<br>**1/ Nhận biết tác dụng của biện pháp tu từ nhân hoá, đối**<br>- Biện pháp tu từ nhân hoá được sử dụng phổ biến trong văn bản văn học, nhất là trong thơ.<br>+ Biện pháp tu từ này tạo nên ấn tượng đặc biệt làm cho sự vật vô tri vô giác trở nên cụ thể, sinh động gần gũi, có hồn hơn<br>- Biện pháp tu từ đối là cách sử dụng từ ngữ đối lập, trái ngược nhau về nghĩa<br>+ Tạo nên vẻ đẹp cân xứng, hài hòa cho lời thơ, câu văn, tăng hiệu quả diễn đạt.<br>+ Đối trong một cụm từ hoặc đối giữa hai vế câu:<br>*Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy*<br>*Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu*<br>*Ngàn dâu xanh ngắt một màu,*<br>*Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?*<br>(Bản dịch Đoàn Thị Điểm, *Chinh phụ ngâm*)<br>+ Đối trong một cặp câu:<br>*Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,*<br>*Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo.”*<br>(Nguyễn Khuyến, *Thu điếu*)<br>**2/ Nhận biết tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ, điệp**<br>- Biện pháp tu từ ẩn dụ có tác dụng nhằm tăng sức gợi hình va gợi cảm cho sự diễn đạt<br>*d) Thuyền về có nhớ bến chăng*<br>*Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền*<br>(Ca dao)<br>- Biện pháp tu từ điệp ngữ có tác dụng tăng cường hiệu quả diễn đạt, nhấn mạnh, tạo ấn tượng, gợi liên tưởng, cảm xúc và tạo nhịp điệu cho câu văn, đoạn thơ. |

## HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

**Phân tích tác dụng của một số biện pháp tu từ trong thơ**

**a. Mục tiêu:** Học sinh nhận biết, phân tích, đánh giá được tác dụng của một số biện pháp tu từ trong thơ.

**b. Nội dung:** Học sinh thực hiện nhiệm vụ được giao, ghi lại kết quả.

**c. Sản phẩm:** Kết quả thực hiện của HS được ghi vào vở.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
|---|---|
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**<br>GV lần lượt giao nhiệm vụ cho HS làm các bài tập 1,2,3,4 trong sgk trang 51- thành 4 nhóm<br>- Nhóm 1 – Bài tập 1<br>- Nhóm 2 – Bài tập 2<br>- Nhóm 3 – Bài tập 3<br>- Nhóm 4 – Bài tập 4<br>**B2. Thực hiện nhiệm vụ**<br>HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, điều hành lớp.<br>**B3. Báo cáo thảo luận**<br>GV tổ chức cho các nhóm cử đại diện lên báo cáo thảo luận và kết luận.<br><br>**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV kết luận như mục *Sản phẩm*, yêu cầu HS ghi kết quả vào vở | **II. LUYỆN TẬP**<br>**1. Bài tập 1 SGK Ngữ văn 12, tập 1, trg 51**<br>**a. Chiều chiều oai linh thác gầm thét**<br>**Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người**<br>- Các hình ảnh nhân hoá "thác gầm thét", "cọp trêu người":<br>- Tác dụng:<br>+ Tái hiện khung cảnh rừng già hoang vu, bí ẩn đầy nguy hiểm của núi rừng Tây Bắc qua âm thanh thác nước dữ dội ở tầng trên và tiếng chân cọp đe dọa ở tầng dưới chân thác. Qua đó, ta thấy được sự hiểm nguy hàng ngày các chiến binh Tây Tiến phải trải qua. Đó là vẻ đẹp kiên cường, anh dũng của các chiến binh Tây Tiến.<br>+ Tăng sức gợi hình, gợi cảm cho câu thơ.<br>**b.** *Trời thu thay áo mới*<br>*Trong biếc nói cười thiết tha*<br>- Các hình ảnh nhân hoá "Trời thu thay áo mới", " nói cười thiết tha".<br>- Tác dụng:<br>+ Câu thơ gợi hình ảnh bầu trời thu như một con người trong màu áo mới của mùa thu, tươi tắn, ấm áp, biết "nói cười thiết tha". Gợi khung cảnh tươi sáng và không khí tràn ngập niềm vui của mùa thu độc lập.<br>+ Làm cho câu thơ thêm sinh động, gợi hình, gợi cảm, có hồn<br>**2. Bài tập 2 SGK Ngữ văn 12, tập 1, trg 51**<br>*Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc*<br>*Quân xanh màu lá dữ oai hùm*<br>*Mắt trừng gửi mộng qua biên giới*<br>*Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm*<br>(Quang Dũng – *Tây Tiến)*<br>- Các hình ảnh ẩn dụ "dữ oai hùm", "dáng kiều thơm".<br>- Tác dụng:<br>+ Hình ảnh " *Dữ oai hùm*": thể hiện cốt cách ngang tàng, kiêu dũng của người lính Tây Tiến. Bất chấp hình hài tiều tuỵ xanh xao vì căn bệnh sốt rét rừng, phong thái họ vẫn hùng dũng, oai nghiệm như chúa sơn lâm<br>+*"Dáng kiều thơm":* gợi vẻ đẹp duyên dáng, yêu kiều, sang trọng của những thiếu nữ Hà thành. Qua đó, thể hiện nỗi nhớ quê nhà, khát vọng tình yêu và tâm hồn mơ mộng, lãng mạn của người lính Tây Tiến.<br>+ Đồng thời còn tăng sức gợi hình, gợi cảm cho đoạn thơ. |

| | |
|---|---|
| | **3. Bài tập 3**<br>**a**. *Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm*<br>……<br>*Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi*<br>- Các điệp ngữ: "Dốc" và "ngàn thước"<br>- Tác dụng:<br>+ Điệp ngữ "dốc" đặt ở đầu và giữa câu thơ, gợi tả những con dốc nối tiếp nhau, dốc chồng lên dốc; điệp ngữ "ngàn thước": những đỉnh núi cao ngất trời và vực sâu thăm thẳm. Qua đó nhấn mạnh sự hùng vĩ, hiểm trở của núi non vùng Tây Bắc.<br>+ Tăng cường hiệu quả diễn đạt, nhấn mạnh, tạo ấn tượng, gợi liên tưởng, cảm xúc và tạo nhịp điệu cho đoạn thơ.<br>**b.** *tiếng ghi ta nâu*<br>……<br>*máu chảy*<br>- Các điệp ngữ: "tiếng ghi ta"<br>- Tác dụng:<br>+ Điệp ngữ "tiếng ghi-ta": nhấn mạnh những ấn tượng về tiếng đàn, về nghệ thuật và tâm hồn người nghệ sĩ Lor-ca;<br>+ Tăng cường hiệu quả diễn đạt, nhấn mạnh, tạo ấn tượng, gợi liên tưởng, cảm xúc và tạo nhịp điệu cho giai điệu cho các câu thơ, đoạn thơ.<br>**4. Bài tập 4**<br>**a.** *Gặp thời đồ điếu công thành dễ,*<br>……<br>*Tẩy binh khôn lối kéo Ngân Hà*<br>- Biện pháp tu từ đối: "*gặp thời – lỡ vận, đồ điếu – anh hùng, công thành dễ – hận xót xa; phò chúa – tẩy binh, dốc lòng – khôn lối, nâng trục đất – kéo Ngân Hà"*<br>- Tác dụng<br>+ Biện pháp tu từ đối ở bốn câu thơ: *gặp thời – lỡ vận, đồ điếu – anh hùng, công thành dễ – hận xót xa; phò chúa – tẩy binh, dốc lòng – khôn lối, nâng trục đất – kéo Ngân Hà*. Tác dụng nhấn mạnh những "trải nghiệm" đau đớn và bày tỏ nỗi niềm bi phẫn của nhân vật trữ tình.<br>+ Tạo nên vẻ đẹp cân xứng, hài hòa nhịp nhàng cho lời thơ, đoạn thơ, tăng hiệu quả diễn đạt.<br>**b.** *Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi*<br>*Mường Lát hoa về trong đêm hơi*<br>- Biện pháp tu từ đối: "Sài Khao – Mường Lát" , "sương lấp – hoa về"<br>- Tác dụng<br>+ Đối từ ngữ chỉ địa danh như Sài Khao- Mường Lát<br>+ Miêu tả trạng thái của cảnh vật ( sương lấp – hoa |

| | |
|---|---|
| | về )có tác dụng nhấn mạnh vẻ đẹp của thiên nhiên miền sơn cước: vừa hiểm trở, hoang vu, giá lạnh vừa thơ mộng, tình tứ.<br>+ Tạo nên vẻ đẹp cân xứng, hài hòa nhịp nhàng cho lời thơ, đoạn thơ, tăng hiệu quả diễn đạt. |

## HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu**: Hiểu được tác dụng của một số biện pháp tu từ trong thơ, vận dụng vào thực hiện các nhiệm vụ thực tiễn.

**b. Nội dung:** Nhiệm vụ về nhà: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ), trong đó có sử dụng 03 biện pháp tu từ.

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn (khoảng 150 chữ), trong đó có sử dụng 03 biện pháp tu từ.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS và yêu cầu HS nghiêm túc thực hiện, hoàn thành nhiệm vụ ở nhà và nộp lại vào buổi học tiếp theo.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:**

HS thực hiện nhiệm vụ viết đoạn văn (khoảng 150 chữ), theo chủ đề tự chọn.

HS có nhiều lựa chọn. Tuy nhiên, cần đảm bảo yêu cầu về nội dung và hình thức:

**- Nội dung:** Viết được đoạn văn ngắn (khoảng 150 chữ), trong đó có sử dụng 03 biện pháp tu từ.

**- Hình thức:** Đảm bảo quy cách một đoạn văn với độ dài khoảng 150 chữ.

**B3. Báo cáo thảo luận**

GV tổ chức báo cáo, thảo luận và kết luận.

HS có thể nộp bài qua phần mềm học tập. GV yêu cầu HS trong lớp đọc và góp ý.

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**

GV có thể thông báo kết quả ở đầu buổi học tiếp theo; nhận xét, đánh giá về sản phẩm của HS và kết luận.

GV đưa ra sản phẩm minh họa:

*Mỗi ngày khi chũng ta tỉnh dậy vào buổi sớm là một ngày hạnh phúc. Ta gọi đó là ngày hạnh phúc bởi trước hết là một ngày ta được sống. Trái tim nhỏ bé đập trong lồng ngực như reo vui trước nhịp sống đang diễn ra mỗi ngày. Hạnh phúc mỉm cười, vẫy tay chào đón chúng ta, chỉ cần mỗi người biết trân trọng hạnh phúc là những gì mình đang có. Vậy đó, hạnh phúc thật sự rất đơn giản, hạnh phúc là yêu thương; hạnh phúc là trân trọng; hạnh phúc là kiếm tìm đích đến của chính mình từ những điều đơn giản nhất.*

**4. Cũng cố:** HS làm bài tập

- Nối cột tên BPTT vào ví dụ tương ứng.
- Chỉ ra các dấu hiệu nhận biết của các biện pháp tu từ đó.

| | |
|---|---|
| **1. Nhân hóa** | ***a.*** *Nhớ ai bổi hổi bồi hồi*<br>*Như đứng đống lửa như ngồi đống than.* (Ca dao) |
| **2. So sánh** | ***b.*** *"Nhớ sao ngày tháng cơ quan*<br>*Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo*<br>*Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều*<br>*Chày đêm nện cối đều đều suối xa…"* (*Việt Bắc*- Tố Hữu) |
| **3. Ẩn dụ** | ***c.*** *Con ngựa đá đá con ngựa đá.* |
| **4. Hoán dụ** | ***d .*** *Anh bạn dãi dầu không bước nữa*<br>*Gục lên súng mũ bỏ quên đời.* (*Tây Tiến*- Quang Dũng) |
| **5. Chơi chữ** | ***e.*** *Lao xao chợ cá làng ngư phủ*<br>*Dắng dỏi cầm ve lầu tịch dương (Cảnh ngày hè- Nguyễn Trãi)* |

| | |
|---|---|
| **6. Đảo ngữ** | ***f.*** *Những trái tim như ngọc sáng ngời (Mẹ Tơm-* Tố Hữu) |
| **7. Điệp ngữ** | ***g.*** *Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi*<br>*Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng.*<br>*(Khúc hát ru những em bé lớn lên trên lưng mẹ-* Nguyễn Khoa Điềm) |
| **8. Nói giảm nói tránh** | ***h.*** *Heo hút cồn mây súng ngửi trời (Tây Tiến-* Quang Dũng) |

(ĐÁP ÁN: 1h, 2a, 3g, 4f, 5c, 6e, 7b, 8d)

**5. HDVN**

- Hoàn thành bài tập vận dụng.
- Sưu tầm thêm các bài tập xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ
- Chuẩn bị bài: Viết bài văn NL So sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ

**Tiết 19,20 VIẾT**

# VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ HAI TÁC PHẨM THƠ

## I. MỤC TIÊU

### 1. Về kiến thức

- Giới thiệu ngắn ngọn về hai bài thơ và nêu được những cơ sở lựa chọn hai bài thơ để so sánh, đánh giá.
- Làm sáng tỏ được những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai bài thơ được chọn để so sánh; có bằng chứng cụ thể, đa dạng từ hai tác phẩm.
- Đưa ra những nhận xét, đánh giá thuyết phục về ý nghĩa và những đóng góp riêng, đặc sắc của mỗi tác phẩm thơ dựa trên các nội dung được so sánh
- Nêu khái quát kết quả và ý nghĩa của việc so sánh, đánh giá.

### 2. Về năng lực

- Nhận biết được những yêu cầu cơ bản của kiểu bài viết nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ, lựa chọn được đề tài phù hợp để viết bài.
- Chỉ ra, phân tích những điểm tương đồng và khác biệt giữa các đối tượng so sánh, từ đó nêu được giá trị đặc sắc, các yếu tố cách tân và đóng góp mới mẻ của từng tác giả, tác phẩm.

**3. Về phẩm chất:** Tích cực tìm kiếm tư liệu để hoàn thiện bài viết, cẩn trọng để tạo lập một văn bản nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

**1. Thiết bị dạy học:** bảng, máy tính, máy chiếu.

**2. Học liệu:** SGK, SGV *Ngữ văn 12*, tập một

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

**1. Tổ chức**

| Lớp | Tiết | Ngày dạy | Sĩ số | Vắng |
|---|---|---|---|---|
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

**2. Kiểm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

### HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**:
- Kết nối tri thức, tạo hứng thú cho học sinh.
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức

**b. Nội dung** HS trả lời cá nhân để giải quyết tình huống có liên quan đến bài học mới.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

| Hoạt động của Gv và Hs | Dự kiến sản phẩm |
|---|---|
| **B1.** GV giao nhiệm vụ cho HS<br>- Hãy kể tên một số tác phẩm thơ cùng đề tài mà em đã học hoặc đã đọc?<br>- Theo em, vì sao những bài thơ có cùng đề tài mà vẫn có sức hấp dẫn đối với người đọc, người viết?<br>**B2.** HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, điều hành lớp.<br>**B3.** HS báo cáo sản phẩm. GV tạo không khí thật thoải mái để HS chia sẻ và bộc lộ quan điểm của mình. GV cho 1 – 2 HS trình bày, các HS còn lại bổ sung.<br>**B4**.<br>GV nhận xét, đánh giá câu trả lời, biểu dương tinh thần tích cực của HS.<br>- GV dẫn vào bài: Trong chương trình THPT, việc so sánh hai tác phẩm văn học là kiểu bài nghị luận cần thiết và quen thuộc nhằm đánh giá kĩ năng cảm thụ văn học và kĩ năng viết có chiều sâu về tác phẩm. Với kiểu bài này đòi hỏi HS cần có năng lực cảm thụ sâu sắc tác phẩm văn học, có vốn kiến thức phong phú, sâu rộng, sự tinh nhạy cùng với lối tư duy tổng hợp, khái quát cao để nhận ra nét tương đồng và khác biệt của hai hay nhiều tác phẩm được so sánh. Mỗi bài thơ là một đứa con tinh thần của nhà thơ. Tuy có nhiều bài thơ có chung một đề tài nhưng mỗi bài lại mang dáng vẻ khác nhau, tạo được ấn tượng riêng với bạn đọc và có chỗ đứng riêng trong nền văn học Việt Nam. So sánh hai tác phẩm thơ, chúng ta không chỉ hiểu thêm về bài thơ mà còn thấy được cái hay đặc biệt làm nên giá trị mỗi bài thơ. | ***Một số bài thơ cùng đề tài:**<br>**- Đề tài người lính:** *Tây Tiến (Quang Dũng), Đồng chí (Chính Hữu), Bài thơ về Tiểu đội xe không kính (Phạm Tiến Duật)*<br>**- Đề tài Đất nước:** *Đất nước (Nguyễn Đình Thi), Trường ca Mặt đường khát vọng (Nguyễn Khoa Điềm***)** …<br>**- Đề tài người phụ nữ:** *Thương vợ (Tú Xương), Tự tình (Hồ Xuân Hương)…*<br>**- Đề tài mùa xuân**: *Mùa xuân chín, Xuân như ý (Hàn Mặc Tử), ….*<br>*** HS chia sẻ suy nghĩ cá nhân về sức hấp dẫn của những bài thơ có cùng đề tài, có thể là:**<br>- Cùng đề tài nhưng mỗi bài thơ, mỗi tác giả có những cách biểu cảm, cách cấu tứ, xây dựng hình tượng nghệ thuật riêng biệt, tạo dấu ấn riêng. |

## HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**Nội dung: Tìm hiểu yêu cầu kiểu bài**

**a**. **Mục tiêu**: HS hiểu mục đích, yêu cầu đối với bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS đọc bài viết tham khảo, thảo luận, trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| Hoạt động của GV VÀ HS | Dự kiến sản phẩm |
|---|---|

| | |
|---|---|
| **Nhiệm vụ 1: Đọc và tìm hiểu bài viết tham khảo**<br>**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**<br>- Giáo viên gọi học sinh đọc bài viết tham khảo, yêu cầu HS chú ý các thẻ lưu ý bên phải và trả lời các câu hỏi sau:<br>1. Trong bài viết, tác giả đã dựa trên những cơ sở nào khi chọn hai bài thơ để so sánh, đánh giá?<br>2. Bài viết triển khai các nội dung, so sánh đánh giá như thế nào? Bạn có nhận xét gì về hiệu quả cách triển khai đó?<br>3. Theo bạn, có thể có những cách trình bày nào khác về các nội dung so sánh, đánh giá trong bài viết?<br>**B2. Thực hiện nhiệm vụ:**<br>- HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu phía trên<br>**B3. Báo cáo thảo luận:**<br>- Trả lời câu hỏi cá nhân và trình bày trước giáo viên<br>**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**<br>- Gv nhận xét, đánh giá và chốt lại kiến thức | **I. Tìm hiểu chung về dạng bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ**<br>**1. Đọc và tìm hiểu bài viết tham khảo**<br>- Trong bài viết, tác giả đã lựa chọn hai bài thơ là *Thu vịnh* (Nguyễn Khuyến) và *Đây mùa thu tới* (Xuân Diệu), cơ sở lựa chọn là hai bài thơ nổi tiếng cùng viết về mùa thu xứ Bắc của Việt Nam nhưng ra đời vào những thời đại khác nhau.<br>- Bài viết so sánh đánh giá bài thơ theo trình tự sau:<br>*(1) Giới thiệu hai bài thơ và định hướng so sánh*<br>+ Hai bài thơ: Thu Vịnh (Nguyễn Khuyến) và Đây mùa thu tới (Xuân Diệu).<br>+ Định hướng: So sánh bức tranh thiên nhiên mùa thu ở hai bài thơ từ đó so sánh tâm trạng của hai nhà thơ.<br>*(2) Phân tích điểm tương đồng của hai bài thơ.*<br>Gặp gỡ ở điểm là đều viết về cảnh thu, tình thu đẹp nhưng buồn.<br>*(3) Giới thiệu nét riêng và chỉ ra yếu tố tạo nên sự khác biệt của đối tượng so sánh*<br>Nét riêng biệt là do sự khác biệt thế hệ của hai nhà thơ nên có những quan điểm thẩm mĩ khác nhau.<br>*(4 )Phân tích nét riêng trong cảnh và tình của bài Thu vịnh.*<br>Đây là bức tranh thu ở làng quê Việt Nam, dân dã và yên bình. Tâm tư nhà thơ bộn bề với nỗi lo lắng về vận nước nhà.<br>*(5) Phân tích nét riêng của bài Đây mùa thu tới trong sự đối sánh với bài Thu Vịnh.*<br>Nỗi buồn trong thơ Xuân Diệu là nỗi buồn đầy trực cảm→mùa thu đến và đi gợi cho Xuân Diệu nỗi lắng lo về sự chảy trôi của thời gian chứ không ngưng đọng cảnh như Nguyễn Khuyến.<br>*(6) Khẳng định vị trí, giá trị và sức hấp dẫn của hai bài thơ.*<br>Một bài thơ mang đậm màu sắc cổ điển với phong vị ẩn dật, một bài thơ mang đậm nét hiện đại với cái tôi cá nhân mới mẻ.<br>*(7) Nêu ý kiến khẳng định về kết quả và ý nghĩa của việc so sánh.*<br>Cả hai tâm hồn đều yêu tha thiết mùa thu và đều muốn hướng về tình yêu quê hương xứ sở.<br>- Với cách triển khai như trên người viết đã phân tích, đánh giá được sự gặp gỡ, tiếp nối của thơ ca |

| | |
|---|---|
| **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ**<br>**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**<br>- GV nêu yêu cầu HS: Qua phân tích ví dụ SGK, em hãy cho biết:<br>+ Mục đích của bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ là gì?<br>+ Yêu cầu của kiểu bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ có điểm gì chung và điểm gì riêng so với kiểu bài phân tích, đánh giá một bài thơ?<br>+ Theo em để so sánh hai tác phẩm thơ, người viết cần trang bị kiến thức kĩ năng gì?<br>**B2: Thực hiện nhiệm vụ**<br>HS thực hiện nhiệm vụ và phát biểu ý kiến cá nhân.<br>**B3: Báo cáo, thảo luận**<br>- GV gọi 2-3 HS trả lời câu hỏi.<br>- HS nhận xét, bổ sung cho nhau.<br>**B4: Đánh giá, kết luận**<br>- GV nhận xét, chốt kiến thức. | về vẻ đẹp của mùa thu đất nước cùng những giá trị, những nét đặc sắc riêng của mỗi bài thơ.<br>- Bài viết là một phương án triển khai nội dung so sánh, đánh giá. Học sinh có thể điều chỉnh bổ sung theo ý kiến cá nhân. Chẳng hạn: Khi so sánh điểm giống nhau có thể lí giải thêm để thấy sự gặp gỡ của các thi nhân trong việc bộc lộ tình yêu với thiên nhiên đất nước, hoặc có thể so sánh, đánh giá riêng về điểm tương đồng và khác biệt theo từng phương diện (cảnh thu, tình thu) của hai bài thơ…<br>**2. Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài:**<br>**- Mục đích so sánh, đánh giá:** Đối sánh hai tác phẩm văn học, đánh giá được những giá trị đặc sắc, những đóng góp mới mẻ của từng tác giả, tác phẩm. Ngoài việc hướng đến làm rõ các giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ, thì yêu cầu của bài văn nghị luận so sánh đánh giá hai tác phẩm thơ ngoài thao tác nghị luận chung về phân tích thơ, còn đòi hỏi người viết sử dụng thao tác đối sánh (liên hệ, kết nối) để có cái nhìn tổng quan hoặc đi sâu vào từng khía cạnh cần so sánh của văn bản.<br>**- Yêu cầu của kiểu bài:**<br>+ Trình bày được các thông tin khái quát về hai tác phẩm thơ so sánh.<br>+ Làm rõ được những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai tác phẩm thơ xét trên phương diện nội dung và nghệ thuật.<br>+ Rút ra được những nhận xét, đánh giá cần thiết, phù hợp.<br>+ Nêu được ý nghĩa của việc đánh giá hai tác phẩm thông qua việc so sánh.<br>+ Với kiểu bài này đòi hỏi HS cần có năng lực cảm thụ sâu sắc tác phẩm văn học, có vốn kiến thức phong phú, sâu rộng, sự tinh nhạy cùng với lối tư duy tổng hợp, khái quát cao để nhận ra nét tương đồng và khác biệt của hai hay nhiều tác phẩm được so sánh.<br>**3. Dàn ý chi tiết kiểu bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ (SGK/trang 57)**<br>**Mở bài:** Giới thiệu ngắn gọn về hai bài thơ và nêu cơ sở lựa chọn để so sánh, đánh giá.<br>**Thân bài:** Có nhiều cách trình bày nội dung so sánh, đánh giá. Người viết cần linh hoạt trong việc lựa chọn cách trình bày phù hợp với hiểu biết và hứng thú của bản thân, điều này sẽ góp phần quan trọng vào thành công của bài viết. Có thể triển khai các nội dung so sánh, đánh giá theo những cách sau: |

| | |
|---|---|
| | **- Cách 1:** Lần lượt phân tích từng bài thơ, sau đó chỉ ra điểm tương đồng, sự gặp gỡ và những điểm khác biệt, lí giải nguyên nhân của sự tương đồng và khác biệt đó; đồng thời đánh giá về giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ. Cách này dễ làm nhưng nhiều khi bị trùng lặp ý và mục đích so sánh không được làm nổi bật.<br>**- Cách 2:** Phân tích bài thơ thứ nhất theo các phương diện đã xác định, khi phân tích bài thơ thứ hai sẽ so sánh với bài thơ thứ nhất theo từng phương diện và lí giải nguyên nhân của những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai bài thơ, từ đó, đánh giá về giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ. Cách này cũng dễ thực hiện và tránh bị trùng lặp, thể hiện được ý so sánh, nhưng mạch so sánh khi trình bày bài thơ thứ nhất dễ bị chìm.<br>**- Cách 3:** So sánh lần lượt các phương diện đã lựa chọn đối với hai bài thơ, chỉ ra điểm tương đồng và khác biệt; lí giải nguyên nhân sự tương đồng và khác biệt đó; đánh giá về giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ từ các nội dung so sánh. Cách này làm nổi bật được tính chất so sánh nhưng dễ làm mờ tính liền mạch, chỉnh thể của mỗi bài thơ, đòi hỏi người viết phải có khả năng tư duy tổng hợp và lập luận chặt chẽ, có sự tinh nhạy trong phát hiện vấn đề.<br>**Kết bài:** Khẳng định ý nghĩa của việc so sánh, đánh giá; nêu cảm nhận và ấn tượng của bản thân về các bài thơ. |

## HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP - THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC

**a**. **Mục tiêu**:

- HS xác định được các bước trong quy trình viết bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.
- HS thực hành các bước để viết bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ

**b. Nội dung:** HS thực hành viết theo các bước.

**c. Sản phẩm:** Bài viết của HS, phiếu hướng dẫn viết.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| Hoạt động của Gv và Hs | Dự kiến sản phẩm |
|---|---|
| **Nhiệm vụ 1: Chuẩn bị viết – chọn đề tài**<br>**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**<br>- GV cho HS tự lựa chọn đề tài trong SGK hoặc tự chọn một đề tài so sánh.<br>**B2. Thực hiện nhiệm vụ:** | **II. Thực hành viết:**<br>**1. Chọn đề tài**<br>-Trước hết, HS cần xác định những cơ sở để triển khai các nội dung so sánh, gắn với đặc trưng của thể thoại thơ (đề tài, phong cách sáng tác, bút phát nghệ thuật…). Từ cơ sở đó, xác định lựa chọn các bài thơ tiêu biểu với những điểm tương đồng, khác biệt có ý nghĩa. |

- HS lựa chọn đề tài và tìm đọc lại hai văn bản thơ, xác định phương diện so sánh, tiến hành lập dàn ý theo phiếu học tập 1 và 2

PHIẾU HỌC TẬP 1

Đề bài: So sánh, đánh giá hình tượng người lính trong bài thơ *Đồng chí* (Chính Hữu) và *Tây Tiến* (Quang Dũng)

Họ và tên….Nhóm…Lớp…

| Mục đích so sánh | Phương diện sánh |
|---|---|
| | |

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đề bài: So sánh, đánh giá hình tượng người lính trong bài thơ *Đồng chí* (Chính Hữu) và *Tây Tiến* (Quang Dũng)

Họ và tên….Nhóm…Lớp…

| Điểm tương đồng giữa hai bài thơ | Điểm khác biệt giữa hai bài thơ (Gợi ý: Nguồn gốc xuất thân, vẻ đẹp, bút pháp miêu tả) | Giá trị của hai bài thơ |
|---|---|---|
| | | |
| | | |

**B3. Báo cáo thảo luận:**

- HS chia sẻ câu trả lời.
- HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung.

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**

- GV nhận xét, chốt kiến thức, hướng dẫn lập dàn ý và các bước thực hành viết.

- Phạm vi lựa chọn so sánh đánh giá rất mở và linh hoạt. Hai bài thơ có thể của hai tác giả hoặc cùng tác giả.
- Xác định được phương diện cần so sánh: Đối tượng cụ thể được miêu tả, thể hiện, cảm hứng, cái nhìn nghệ thuật, bút pháp…

***Gợi ý một số đề tài:**

- So sánh hai tác phẩm thuộc các giai đoạn, xu hướng văn học khác nhau: Tiếng nói tri âm trong *Độc Tiểu Thanh kí* (Nguyễn Du) và *Đàn ghi-ta của Lorca* (Thanh Thảo)
- So sánh, đánh giá bút pháp và cảm hứng nghệ thuật trong các tác phẩm thơ: Cảm hứng về đất nước trong *Đất nước* (Nguyễn Đình Thi) và *Việt Bắc* (Tố Hữu)
- So sánh, đánh giá các hình tượng: Hình tượng người lính trong *Đồng chí* (Chính Hữu) và Tây *Tiến* (Quang Dũng), hình tượng người phụ nữ trong *Tự tình II* (Hồ Xuân Hương) và *Thuyền và biển* (Xuân Quỳnh)…
- So sánh đánh giá về hình thức nghệ thuật: Cách thể hiện nỗi nhớ trong *Tây Tiến* (Quang Dũng) và *Tiếng hát con tàu* (Chế Lan Viên)…

**2. Hướng dẫn HS tìm ý, lập dàn ý cho một đề bài cụ thể**

- **Đề bài:** So sánh, đánh giá hình tượng người lính trong bài thơ *Đồng chí* (Chính Hữu) và *Tây Tiến* (Quang Dũng)

| **Các bước** | **Nội dung** | |
|---|---|---|
| **Chuẩn bị viết** | - Tìm kiếm các tài liệu có liên quan đến hai tác phẩm, ghi chép những thông tin cần thiết về yêu cầu của đề.<br>- Xác định rõ mục đích so sánh của bài viết: Làm sáng tỏ hình tượng người lính trong hai tác phẩm thơ.<br>- Xác định phương diện so sánh: Hình tượng người lính.<br>- Bài viết có thể làm rõ sự tương đồng hoặc tập trung nói về sự khác biệt giữa hình tượng người lính trong hai tác phẩm. | |
| **Tìm ý, lập dàn ý** | **Tìm ý** | **Trả lời câu hỏi:**<br>Dựa vào yêu cầu của kiểu bài, định hướng từ bài viết tham khảo và đề tài đã xác định, có thể nêu các câu hỏi sau để tìm ý:<br>*- So sánh, đánh giá hai bài thơ dựa trên cơ sở nào?* Việc xác định cơ sở để so sánh, đánh giá dựa trên nội dung (hiện thực đời sống, |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | tư tưởng, tình cảm của tác giả,..) và hình thức nghệ thuật của các tác phẩm (thể loại, ngôn ngữ, kết cấu, giong điệu, hình ảnh, chi tiết, thủ pháp nghệ thuật,..).<br>- *Điểm tương đồng giữa hai tác phẩm thơ là gì*?<br>- *Đâu là đểm khác biệt giữa hai bài thơ?*<br>- *Yếu tố nào tạo nên những điểm tương đồng và khác biệt của hai bài thơ?* Điểm tương đồng và khác biệt thường xuất phát từ những yếu tố thuộc về đặc trưng của thơ ca và phong cách nghệ thuật riêng của mỗi nhà thơ, hoặc xu hướng và bút pháp thi ca của từng giai đoạn sáng tác.<br>- *Đánh giá thế nào về giá trị của mỗi bài thơ* | |
| | | | **Lập dàn ý** | **MB** | **Giới thiệu ngắn gọn về hai bài thơ Tây Tiến và Đồng chí** |
| | | | | **TB** | - HS cần xác định đúng phạm vi so sánh, đánh giá: Hình tượng người lính trong hai bài thơ.<br>- HS lựa chọn cách triển khai đánh giá phù hợp với năng lực và trình độ của bản thân<br>- Gợi ý so sánh:<br>**+Nguồn gốc xuất thân:** chiến sĩ Tây Tiến (trong đó có tác giả) số đông là những thanh niên trí thức Hà thành, người lính trong Đồng chí là những người nông dân mặc áo lính. Các anh ra đi từ những làng quê nghèo<br>**+ Vẻ đẹp:** Chiến binh Tây Tiến mang vẻ đẹp khác thường. Hình tượng các anh nổi lên vừa hào hùng, dữ dội lại vừa hào hoa, mơ mộng. Người chiến sĩ dưới ngòi bút Chính Hữu mang |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | | | | vẻ đẹp bình dị. Các anh hiện ra với dáng vẻ: Chất phác, lam lũ:<br>**+ Bút pháp miêu tả:** bút pháp của Chính Hữu trong Đồng chí là bút pháp tả thực. Ông chú trọng vẻ đẹp của tình đồng chí – những người chung quân ngũ,chung lý tưởng chiến đấu. Còn Quang Dũng đã khái quát vẻ đẹp chung của người chiến sĩ Tây Tiến trên đường hành quân và hoạt động ở vùng biên giới xa xăm, nhiều hiểm trở với bút pháp lãng mạn |
| | | | **KB** | Tuy hai hình tượng người lính này mang những vẻ đẹp khác nhau nhưng làm hoàn chỉnh bức chân dung anh bộ đội Cụ Hồ trong buổi đầu tiến hành cuộc cách mạng kháng chiến chín năm chống Pháp. |
| | **Viết** | Sản phẩm là bài viết của học sinh | | |
| | **Kiểm tra và chỉnh sửa hoàn thiện** | Đọc và kiểm tra lại các nội dung:<br>- Đối chiếu với yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập để thực hiện những chỉnh sửa cần thiết nhằm hoàn thiện văn bản về mặt nội dung.<br>- Rà soát, khắc phục những lỗi về chính tả, diễn đạt và trình bày để bài viết đáp ứng được những đòi hỏi về chuẩn mực hình thức | | |
| | **3. Hướng dẫn HS dựa vào dàn ý để triển khai bài viết**<br>**Sản phẩm là bài viết của Học sinh** | | | |

## HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

**a**. **Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sưu tầm và lập bảng thống kê các tác phẩm cùng đề tài, cùng chủ đề, tự chọn viết 01 đề bài hoàn chỉnh so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ

**c. Sản phẩm:** Bảng thống kê các tác phẩm cùng đề tài, cùng chủ đề và bài viết của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**NV1:** Sưu tầm và lập bảng thống kê các tác phẩm cùng đề tài, cùng chủ đề.

**NV2:** Tự chọn viết 01 đề bài hoàn chỉnh so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

**B3: Báo cáo, thảo luận:** Thực hiện báo cáo vào tiết nói và nghe.
**B4: Đánh giá, kết luận:** GV nhận xét, tổng kết cho điểm trong bài học sau.
**4. Củng cố**
**5. HDVN**
- HS hoàn thiện các bài tập còn lại.
- Chuẩn bị nội dung nói và nghe: Trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ HS tự lựa chọn

**Tiết 21,22:**

## NÓI VÀ NGHE
## TRÌNH BÀY KẾT QUẢ SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ HAI TÁC PHẨM THƠ

### I. MỤC TIÊU
**1. Về kiến thức**
- Giới thiệu được hai bài thơ và lí do lựa chọn hai bài thơ để so sánh, đánh giá.
- Phân tích được những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai bài thơ xét theo một số phương diện đã xác định.
- Có những nhận xét đánh giá thuyết phục về giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ dựa trên kết quả so sánh.
- Nêu được những ý kiến trao đổi xác đáng giúp người nói và người nghe có cái nhìn đầy đủ, toàn diện hơn về hai bài thơ được so sánh.

**2. Về năng lực**
- Biết sử dụng kết quả bài viết so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ đã thực hiện ở phần *Viết* để xây dựng nội dung bài thuyết trình.
- Trình bày được kết quả của việc so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ (đã thực hiện ở phần *Viết*).
- Thông qua việc lắng nghe và tương tác với người nói, người nghe cần rút ra những kinh nghiệm cần thiết cho cá nhân trong việc cảm thụ tác phẩm thơ và so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

**3. Về phẩm chất:** Quan tâm tới người nghe và có thái độ phù hợp khi nói.

### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU
**1. Thiết bị dạy học:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập.
**2. Học liệu:** Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

### III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC
**1. Tổ chức**
**2. Kiểm tra bài cũ:**
**3. Bài mới:**

#### HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG
**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học
**b. Nội dung:** Để thuyết trình hấp dẫn về kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ cần chú ý điều gì?
**c. Sản phẩm:** Để có bài nói tốt, chúng ta cần:
- Xác định nội dung trình bày một cách rõ ràng, mạch lạc.
- Chú ý giọng điệu khi kể, ngôn ngữ hình thể (ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ) phù hợp với nội dung bài nói.
- Có thể kết hợp sử dụng các thiết bị hỗ trợ (tranh ảnh, video clip,...) nếu có. Ví dụ Cảm nhận bài Chân quê của Nguyễn Bính:
https://www.youtube.com/watch?v=MeGxDxsOYBg

**d. Tổ chức thực hiện:**

| Hoạt động của Gv và Hs | Dự kiến sản phẩm |
|---|---|
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giao nhiệm vụ cho HS GV đặt câu hỏi<br>**B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, điều hành lớp.<br>**B3. Báo cáo thảo luận:** Học sinh chia sẻ<br>**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Giáo viên dẫn dắt vào bài học | |

## HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**a. Mục tiêu:** Xác định được các bước thuyết trình hấp dẫn về kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

**b. Nội dung:** Học sinh đọc thật kĩ các yêu cầu, thao tác chuẩn bị nói và nghe

**c. Sản phẩm:** Kết quả thực hiện của HS được trình bày miệng, trao đổi trong nhóm hoặc ghi vào phiếu học tập/ vở.

**d. Tổ chức thực hiện:**

<table>
<tr><th>Hoạt động của Gv và Hs</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr>
<td>B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Chúng ta sẽ tìm hiểu các bước thuyết trình hấp dẫn về kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ từ chính bài viết đã thực hiện. GV lần lượt giao nhiệm vụ cho HS như mục Nội dung.<br>Câu 1. Để thuyết trình hấp dẫn về kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ, cần lưu ý yêu cầu nào?<br>Câu 2. Người nói và người nghe cần lưu ý gì sau khi thuyết trình?<br>Câu 3. Xây dựng quy trình bài thuyết trình hấp dẫn về kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.<br><br>Học sinh đọc thật kĩ các yêu cầu, thao tác chuẩn bị nói và nghe<br><br>B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS lắng nghe và lưu ý để xem lại phần chuẩn bị bài nói của mình. GV quan sát, điều hành lớp.</td>
<td>I. TÌM HIỂU YÊU CẦU CỦA KIỂU BÀI<br>Câu 1<br>Để thuyết trình hấp dẫn về kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ, cần lưu ý yêu cầu:<br>– Giới thiệu được hai bài thơ và lí do lựa chọn hai bài thơ đó để so sánh, đánh giá.<br>– Phân tích những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai bài thơ xét theo một số phương diện đã xác định.<br>– Có những nhận xét, đánh giá thuyết phục về giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ dựa trên kết quả so sánh.<br>– Nêu được những ý kiến trao đổi xác đáng giúp người nói và người nghe có cái nhìn đầy đủ, toàn diện hơn về hai bài thơ được so sánh.<br>Câu 2<br>Sau khi trình bày xong bài nói, cần phải có sự trao đổi, đánh giá giữa người nói và người nghe:
<table>
<tr><th>Người nghe</th><th>Người nói</th></tr>
<tr><td>- Nhận xét về độ chính xác và đầy đủ của các nội dung so sánh giữa hai tác phẩm thơ, cách sử dụng ngôn ngữ và các yếu tố phi ngôn ngữ của người nói. Nếu có khía cạnh nào chưa rõ, yêu cầu người nói giải thích thêm.<br>– Bổ sung hoặc chia sẻ một số nội dung giúp người nói có cái nhìn</td><td>- Cần làm rõ thêm những ý mà người nghe chưa rõ.<br>– Tiếp thu góp ý hoặc trao đổi lại với một số ý kiến nhận xét, đánh giá của người nghe về nội dung và cách thực hiện bài nói.</td></tr>
</table>
</td>
</tr>
</table>

| | | |
|---|---|---|
| **B3. Báo cáo thảo luận:** GV tổ chức báo cáo, thảo luận và kết luận. GV yêu cầu HS trao đổi theo nhóm về những lưu ý để có bài nói .<br>Mỗi nhóm cử thành viên lên thuyết trinh, Thời gian 3-4 phút<br>**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**<br>Hs: nhận xét bài nói của bạn theo các tiêu chí<br>GV kết luận.<br>– GV tổ chức cho HS trao đổi nhóm để lưu ý những yêu cầu cần đạt khi thuyết trình. GV yêu cầu HS trình bày. GV nhận xét, kết luận như mục *Sản phẩm*.<br>– GV lưu ý HS nhớ lại phần thực hành trong nhóm và các trao đổi sau khi nói để trả lời câu hỏi. GV có thể cho một HS trình bày, các HS khác bổ sung, góp ý. GV kết luận như mục *Sản phẩm*. GV nhấn mạnh trong hoạt động nói – nghe, phần trao đổi sau khi nói rất quan trọng giúp người nói hoàn thiện bài nói của mình, có những tương tác tích cực với người nghe. – GV yêu cầu các nhóm xây dựng quy trình bài nói. Các nhóm trình bày. GV nhận xét và kết luận như mục *Sản phẩm*. GV nhấn mạnh quy trình một bài nói gồm ba bước (Chuẩn bị thuyết trình; Thuyết trình; Trao đổi, đánh giá).<br>(Hai nhóm nhận xét qua lại sản phẩm của nhau theo quy trình bài nói và nghe) | đầy đủ, toàn diện hơn về hai bài thơ được so sánh, đánh giá (chẳng hạn có thể trình bày thêm cơ sở để so sánh, cách trình bày các nội dung so sánh,...)<br>**Câu 3**<br>Xây dựng quy trình trình bày bài so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ, gồm ba bước:<br>**Bước 1. Chuẩn bị nói**<br>- Tóm tắt nội dung bài viết so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ<br>-- Xác định từ ngữ then chốt gắn với luận điểm<br>- Chuẩn bị các phương tiện kĩ thuật hỗ trợ<br>**Bước 2. Thực hành nói**<br>- Mở đầu: Giới thiệu được hai bài thơ và lý do lựa chon để so sánh, đánh giá.<br>- Triển khai:<br>+ Trình bày được điểm tương đồng và khác biệt giữa hai bài thơ trên một số phương diện đã xác định.<br>+ Đánh giá được giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ dựa trên kết quả so sánh.<br>- Kết luận: Nêu ý nghĩa của việc so sánh, đánh giá trong tiếp nhận văn bản văn học.<br>**Bước 3. Trao đổi, đánh giá (b**ảng tiêu chí) | |

## HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE)

**a. Mục tiêu:** Trình bày được bài thuyết trình so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ; biết lắng nghe và trao đổi, thảo luận.

**b. Nội dung:** Học sinh chuẩn bị bài nói dưới dạng dàn ý và chia sẻ bài nói

**c. Sản phẩm:** Kết quả thực hiện của HS được trình bày miệng, trao đổi trong nhóm hoặc ghi vào phiếu học tập/ vở.
**Câu 1.** Bài nói được trình bày.
**Câu 2.** Phiếu ghi lại nhận xét về bài nói theo các tiêu chí:
**d. Tổ chức thực hiện:**

<table>
<tr><th>Hoạt động của Gv và Hs</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>
Nhiệm vụ 1:<br>
B1. Chuyển giao nhiệm vụ; GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, trình bày bài nói dựa trên dàn ý đã lập. GV lần lượt giao nhiệm vụ cho HS như mục<br>
Nhóm 1: So sánh, đánh giá hình tượng người lính trong bài Đồng chí (Chính Hữu) và Tây Tiến (Quang Dũng)?<br>
Nhóm 2: So sánh, đánh giá hình tượng người phụ nữ trong bài Tự tình II (Hồ Xuân Hương) và Thuyền và biển (Xuân Quỳnh)?<br>
B2. Thực hiện nhiệm vụ; HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, điều hành lớp..<br>
B 3. Báo cáo, thảo luận<br>
Học sinh trình bày phần bài làm của nhóm . Người nghe và người nói tiến hành trao đổi, thảo luận, trình bày theo bảng kiểm và rubric chấm<br>
Bước 4. Kết luận, nhận định<br>
GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo<br>
Câu 1. GV lưu ý HS các bước chuẩn bị để có bài giới thiệu hay. HS trình bày bài giới thiệu theo thời gian quy định. GV lưu ý HS cần tận dụng được các lợi thế của giao tiếp trực tiếp bằng lời như sử dụng ngôn ngữ, cử chỉ, điệu bộ và sự tương tác tích cực với người nghe để tạo sức hấp dẫn và thuyết phục. GV cho một số HS trình bày bài giới thiệu, mỗi HS từ 7 – 10 phút.<br>
Câu 2. Sau khi HS hoàn thành phần trình bày bài nói, GV hướng dẫn HS trao đổi về bài nói theo các yêu cầu, tiêu chí đã xác định. GV thống nhất các tiêu chí đánh giá bài nói để các nhóm nhận xét. GV kết luận: Khi trình bày bài giới thiệu, cần chú ý nội dung và cách nói phù hợp, đảm bảo thực hiện các tiêu chí đưa ra. Đặc biệt, khi giới thiệu các em cần quan tâm đến phản ứng của người nghe để kịp thời điều chỉnh. Để đánh giá được chính xác bài nói, người nghe cũng cần chú ý lắng nghe,
</td><td>
II. Luyện tập<br>
Phiếu ghi lại nhận xét về bài nói theo các tiêu chí:<br>
<table>
<tr><th colspan="3">PHIẾU NHẬN XÉT</th></tr>
<tr><th>STT</th><th>Tiêu chí</th><th>Nhận xét</th></tr>
<tr><td>1</td><td>Giọng nói rõ ràng, truyền cảm và dễ nghe không?</td><td></td></tr>
<tr><td>2</td><td>Nội dung bài nói đúng yêu cầu và có sức thuyết phục không?</td><td></td></tr>
<tr><td>3</td><td>Bố cục bài nói rõ ràng, mạch lạc không?</td><td></td></tr>
<tr><td>4</td><td>Các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng phù hợp không?</td><td></td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

| | |
|---|---|
| *bám sát vào các tiêu chí để trao đổi, thảo luận*. Trên cơ sở đó, HS rút kinh nghiệm cho mình. | |

## HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để thuyết trình so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

**b. Nội dung:** Nhiệm vụ về nhà: Tìm đọc hai bài thơ trung đại Việt Nam, nêu bật đề tài, chủ đề, thể thơ và chỉ ra một vài biểu hiện của phong cách cổ điển được thể hiện trong bài thơ đó. (Chú ý các tác giả Nguyễn Trãi, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Du,Nguyễn Khuyến, Tú Xương, .....)

**c. Sản phẩm:** Bài trình bày của HS có thể quay video clip hoặc ghi âm, tuỳ điều kiện thực tế.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1.** GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS và yêu cầu HS nghiêm túc thực hiện, hoàn thành nhiệm vụ ở nhà và nộp sản phẩm qua phần mềm học tập.

**Bước 2.** HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà. Tuy nhiên, HS có thể rà soát yêu cầu theo các tiêu chí:

| **PHIẾU NHẬN XÉT** | | |
|---|---|---|
| **STT** | **Tiêu chí** | **Nhận xét** |
| 1 | Giọng nói rõ ràng, truyền cảm và dễ nghe không? | |
| 2 | Nội dung bài nói đúng yêu cầu và có sức thuyết phục không? | |
| 3 | Bố cục bài nói rõ ràng, mạch lạc không? | |
| 4 | Các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng phù hợp không? | |

**B 3,4. Báo cáo thảo luận:** GV tổ chức báo cáo, thảo luận và kết luận. GV có thể trình chiếu một số video clip của HS vào đầu buổi học tiếp theo (có thể lấy điểm đánh giá quá trình). GV nhận xét, đánh giá về bài trình bày của HS và kết luận

**4. Củng cố:** Kĩ năng nói và nghe so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ

**5. HDVN**

- Hoàn thành bài tập vận dụng
- Bài sau: Thực hành đọc *Bài số 28*

**Phụ lục**

**1. Phiếu học tập số 1**

Thuyết trình So sánh, đánh giá hình tượng người lính trong bài *Đồng chí* (Chính Hữu) và *Tây Tiến* (Quang Dũng)

| **Thuyết trình so sánh, đánh giá hình tượng người lính trong bài *Đồng chí* (Chính Hữu) và *Tây Tiến* (Quang Dũng)**<br>**Thuyết trình so sánh, đánh giá bút pháp và cảm hứng nghệ thuật trong *Đất Nước* (Nguyễn Khoa Điềm) và *Đất nước* (Nguyễn Đình Thi).** |
|---|
| - Mở đầu: Giới thiệu được hai bài thơ và lý do lựa chon để so sánh, đánh giá.<br>- Triển khai:<br>+ Trình bày được điểm tương đồng và khác biệt giữa hai bài thơ trên một số phương diện đã xác định.<br>+ Đánh giá được giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ dựa trên kết quả so sánh.<br>- Kết luận: Nêu ý nghĩa của việc so sánh, đánh giá trong tiếp nhận văn bản văn học. |

**2. Phiếu học tập số 2**

| PHIẾU ĐÁNH GIÁ<br>Tên người hoặc nhóm đánh giá: …….. | | | |
|---|---|---|---|
| **Tên người được đánh giá** | **Căn cứ đánh giá** | **Kết quả** | |
| | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| | Nội dung tham gia thuyết trình | | |
| | Kĩ năng trình bày ý kiến | | |
| | Kĩ năng tương tác khi thuyết trình | | |
| | Nội dung tham gia thuyết trình | | |
| | Kĩ năng trình bày ý kiến | | |
| | Kĩ năng tương tác khi thuyết trình | | |

# TRẢ BÀI, CỦNG CỐ, MỞ RỘNG.
# THỰC HÀNH ĐỌC: BÀI THƠ SỐ 28
# (Ta-go)

## I. MỤC TIÊU

### 1. Về kiến thức:

- Rút kinh nghiệm bài viết

-Nhận biết được **chất trữ tình và chất triết lí** được thể hiện trong bài thơ *Bài thơ số 28* của Ta – go**.**

### 2. Về năng lực:

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, hợp tác, sử dụng CNTT…
- Năng lực đặc thù:

+ Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo và tư duy để làm tốt các bài kiểm tra.

+ Tự đánh giá những ưu - nhược điểm trong bài làm của mình.

+ Năng lực tự chủ và tự học, có được những định hướng cần thiết để làm tốt hơn những bài viết sau.

- Hiểu và phân tích được giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật của bài thơ (hình ảnh thơ mang tính chất biểu tượng, đặc điểm của thể thơ, ngôn ngữ, hình tượng thơ)
- Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về văn bản *Bài thơ số 28* để rèn luyện năng lực đọc hiểu một văn bản thơ trung cận đại.

**3. Về phẩm chất:** Học sinh yêu mến, trân trọng những vẻ đẹp của thơ ca và cuộc sống, biết nuôi dưỡng tâm hồn phong phú.

## II. THIẾT BỊ, PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

### 1. Thiết bị dạy học:

-Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập.

- Bài kiểm tra của học sinh, sổ điểm của giáo viên

### 2. Học liệu:

-GV chữa bài, trả bài; HS đối chiếu đáp án với bài làm của bản thân.

- Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

**a. Mục tiêu:**

- HS nhắc lại được một số vấn đề liên quan đến thơ ca
- HS trình bày những hiểu biết của mình về thơ, thơ trữ tình và các đặc trưng nổi bật của thơ qua những ví dụ cụ thể.

**b. Nội dung:**
- GV hướng dẫn HS ôn lại phần Tri thức ngữ văn ở nhà và ghi lại ví dụ vào vở
- HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà và trình bày phần tìm hiểu ở trên lớp.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện**

| Hoạt động của Gv và Hs | Dự kiến sản phẩm |
|---|---|
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**<br>***GV:***<br>- Chiếu 3 bài trích từ bài làm của HS:<br>+ 1 văn bản TB : mắc lỗi diễn đạt, chính tả/ chữ viết cẩu thả...<br>+ 1 văn bản viết khá : diễn đạt trong sáng, mạch lạc; ít mắc lỗi diễn đạt/ chính tả...<br>+ 1 VB viết tốt: lập luận rõ ràng, mạch lạc; diễn đạt sáng rõ; không mắc lỗi..<br>- Y.c HS đọc và so sánh để chỉ ra lỗi của văn bản : ưu – nhược của từng VB.<br>- Lựa chọn VB tối ưu nhất .<br>**B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh suy nghĩ và trả lời<br>**B3. Báo cáo thảo luận:** Học sinh chia sẻ<br>**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**<br>***GV chuyển dẫn vào bài mới***: Nguyên nhân nào dẫn đến các hạn chế trong bài kiểm tra của HS...? | - Đọc to VB và phân tích ưu – nhược của từng VB.<br>- Lựa chọn VB: hay nhất. |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**a. Mục tiêu**: HS rèn kĩ năng phân tích đề, lập dàn ý, lập ý, liên kết, sử dụng kết hợp các TTLL (phân tích, so sánh...) để viết bài nghị luận văn học.

**b. Nội dung:** HS chữa bài, phân tích đề, lập dàn ý; GV đưa ra đáp án.

**c. Sản phẩm**: Nội dung bài học, bài viết của HS đã được GV chữa, nhận xét, chấm điểm.

**d. Tổ chức thực hiện.**

| Hoạt động của Gv và Hs | Dự kiến sản phẩm |
|---|---|
| | **I. Đề bài và đáp án biểu điểm**<br>Giáo án tiết kiểm tra...<br>***Đề bài:***<br>- HS lên bảng chữa bài.<br>**** Phân tích đề:***<br><br>**II. Nhận xét chung**<br>***1. Ưu điểm.***<br>- Xác định đúng vấn đề nghị luận<br>- Triển khai yêu cầu về nội dung của đề.<br>- Chữ viết rõ rang, diễn đạt trong sang, mạch lạc |

- Bài viết chỉ rõ được nét tương đồng, điểm khác nhau và nguyên nhân
- Sáng tạo, liên hệ, mở rộng….

***2. Nhược điểm.***

- 1 số bài chưa bám sát đề, chưa làm rõ được yêu cầu của đề.
- Nội dung sơ sài.
- Một số bài diễn đạt chưa lưu loát, mắc nhiều lỗi về diễn đạt, dùng từ, viết câu.
- Chữ viết xấu
- Có bài cả phần thân bài chỉ có 1 đoạn văn.

**III. Trả bài và đọc bài.**

***1. Cho HS đọc 3 bài, cụ thể:***

+ Một bài thuộc loại khá, giỏi:
+ Một bài thuộc loại trung bình:
+ Một bài thuộc loại yếu kém :
- Trao đổi bài cho bạn để cùng nhau rút kinh nghiệm.

***2. Trao đổi bài .***

***3.Hướng dẫn chữa lỗi.***

Xem lại những lỗi đã mắc mà cô giáo đã chỉ ra bằng mực đỏ.

**IV. Bài viết tiêu biểu**

- Bài viết tốt (8-9,10 điểm):
- Bài viết đạt yêu cầu (5-6-7 điểm):
- Bài viết yếu, kém (dưới 5):

**V. Tổng kết kết quả**

| | | | |
|---|---|---|---|
| Thống kê | | | |
| Điểm giỏi: | | | |
| Điểm khá: | | | |
| Điểm TB: | | | |
| Điểm kém: | | | |

**THỰC HÀNH ĐỌC**

**Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**

Giáo viên cho HS lựa chọn nhiệm vụ phù hợp với năng lực và sở thích. Chia nhóm và thảo luận

*Nhiệm vụ 1. Nội dungc hính của bài thơ*

*Nhiệm vụ 2. Phân tích các hình ảnh trong bài thơ*

*Nhiệm vụ 3. Đặc điểm của thể thơ, ngôn ngữ, hình tượng thơ.*

*Nhiệm vụ 4. Những phát hiện, suy ngẫm của tác giả về sự phong phú, bí ẩn kì diệu của tình yêu và tâm hồn con người.*

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**

**THỰC HÀNH ĐỌC:**

*** Nội dung chính:** Bài thơ thể hiện quan niệm về một tình yêu chân chính. Tình yêu không bao giờ có giới hạn. Muốn có hạnh phúc trong tình yêu, muốn có một tình yêu trọn vẹn thì con người phải biết khám phá, hòa hợp và tin yêu.

**Câu 1: Các hình ảnh thơ có tính chất biểu tượng.**

- Hình ảnh: đôi mắt

| | |
|---|---|
| Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu<br>Thời gian: 20 phút<br>Chia sẻ: 3 phút<br>Phản biện và trao đổi: 2 phút<br>**Bước 3. Báo cáo, thảo luận**<br>Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu<br>**Bước 4. Kết luận, nhận định**<br>Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản về thơ và thơ trữ tình | + Biểu tượng cho vẻ đẹp tâm hồn, nội tâm con người.<br>+ Thể hiện khát khao giao hòa, kết nối tâm hồn giữa hai người yêu nhau.<br>+ Ánh mắt ẩn chứa nhiều cung bậc cảm xúc: buồn, băn khoăn, khao khát.<br>- Hình ảnh: trái tim<br>+ Biểu tượng cho tình yêu, sự lãng mạn, nồng nhiệt.<br>+ Trái tim khao khát được hòa quyện, kết hợp, rung động trước ánh mắt của người yêu.<br>- Hình ảnh: biển cả<br>+ Biểu tượng cho sự rộng lớn, mênh mông, bí ẩn.<br>+ Thể hiện tâm hồn sâu thẳm, nội tâm phức tạp của con người.<br>+ Nơi ẩn chứa những bí mật, khao khát và ước mơ.<br>- Hình ảnh: trăng<br>+ Biểu tượng cho vẻ đẹp thanh tao, dịu dàng, lãng mạn.<br>+ Ánh trăng soi sáng tâm hồn, dẫn lối cho tình yêu.<br>+ Tạo nên bầu không khí huyền ảo, thơ mộng.<br>- Hình ảnh: cốc rượu<br>+ Biểu tượng cho tình yêu say đắm, nồng nhiệt.<br>+ Cử chỉ rót rượu thể hiện sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ.<br>+ Rượu là chất xúc tác cho tình yêu thăng hoa.<br>- Hình ảnh: hương thơm<br>+ Biểu tượng cho sự tinh tế, quyến rũ, gợi cảm.<br>+ Mùi hương lan tỏa, khơi gợi cảm xúc, khát khao.<br>+ Tạo nên bầu không khí lãng mạn, say đắm.<br>**Câu 2 Đặc điểm của thể thơ, ngôn ngữ, hình tượng thơ.**<br>- Thể thơ: tự do<br>- Ngôn ngữ, giọng điệu bài thơ thay đổi linh hoạt, lúc tha thiết, nồng nàn, lúc lại bâng khuâng, tiếc nuối... thể hiện tâm trạng phức tạp của nhân vật trữ tình.<br>- Hình tượng thơ: trừu tượng, sâu sắc<br>**Câu 3. Những phát hiện, suy ngẫm của tác giả về sự phong phú, bí ẩn kì diệu của tình yêu và tâm hồn con người.**<br>Những phát hiện, suy ngẫm của tác giả một tình yêu hòa hợp về mặt tâm hồn. Tình yêu không bao giờ có giới hạn. Muốn có hạnh phúc trong tình yêu, muốn có tình yêu trọn vẹn chỉ có một |

| | |
|---|---|
| | cách là luôn khám phá cái bí ẩn, cái sâu xa của tình yêu. Qua đó thể hiện niềm tin vào sức mạnh của tình yêu. |

## HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu:** Dựa vào các bài thơ đã học hãy đọc một bài thơ và nêu được các yếu tố: thể thơ, nhân vật trữ tình, hình ảnh thơ, cách tổ chức nhịp điệu, gieo vần trong bài thơ đó

**b. Nội dung:** HS đọc tác phẩm thơ và liệt kê được các yếu tố đã được học.

**c. Sản phẩm:** Học sinh chia sẻ

**d. Tổ chức thực hiện**

| Hoạt động của GV và HS | Sản phẩm dự kiến |
|---|---|
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**<br>Giáo viên giao nhiệm vụ<br>**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**<br>Học sinh thực hiện đọc và ghi lại các yếu tố của tác phẩm thơ như: thể thơ, nhân vật trữ tình, hình ảnh thơ, cách tổ chức nhịp điệu, gieo vần<br>**Bước 3. Báo cáo, thảo luận**<br>Học sinh trình bày phần bài làm của mình<br>**Bước 4. Kết luận, nhận định**<br>GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | **Ví dụ tham khảo ví dụ sau**<br>*"Sống vững chãi bốn ngàn năm sừng sững*<br>*Lưng đeo gươm tay mềm mại bút hoa*<br>*Trong và sáng đôi bờ suy tưởng*<br>*Sống hiên ngang mà nhân ái, chan hòa."*<br>*(Huy Cận)*<br>- Nhân vật trữ tình: Nhân dân Việt Nam với niềm tự hòa về truyền thống yêu nước, đấu tranh của dân tộc<br>- Vần thơ: Hiệp vần chân "hoa" câu 2 và "hòa" câu 4<br>- Nhịp điệu: Cách ngắt nhịp uyển chuyển<br>*"Sống vững chãi/ bốn ngàn năm/ sừng sững*<br>*Lưng đeo gươm/ tay mềm mại bút hoa*<br>*Trong và thật sáng/ đôi bờ suy tưởng*<br>*Sống hiên ngang/ mà nhân ái, chan hòa."*<br>- Đối: Lưng đeo gươm – chiến đấu; tay mềm mại bút hoa – văn hóa; Sống hiên ngang – mạnh mẽ cứng rắn; nhân ái, chan hòa – tinh tế, dịu dàng, trọng tình nghĩa<br>- Thi luật: Mỗi câu có 8 chữ bắt vần chân ở câu 2 và 4<br>- Thể thơ: Thơ tự do 8 chữ |

## HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** Dựa vào kiến thức đã học HS tự sáng tác một bài thơ theo thể thơ tự do.

**b. Nội dung:** HS sáng tác một bài thơ chủ đề tự chọn theo thể thơ tự do.

**c. Sản phẩm:** Phần tình bày của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện**

| Hoạt động của GV và HS | Sản phẩm dự kiến |
|---|---|
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**<br>Giáo viên giao nhiệm vụ<br>Học sinh thảo luận và thực hiện<br>**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**<br>Học sinh thực hiện sáng tác và đọc trước lớp<br>**Bước 3. Báo cáo, thảo luận** | HS sáng tạo theo nội dung tự chọn |

| | |
|---|---|
| Học sinh trình bày phần bài làm của mình<br>**Bước 4. Kết luận, nhận định**<br>GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | |

**4. Củng cố:** Hiểu được
- Hình ảnh biểu tượng trong thơ
- Yếu tố siêu thực trong thơ
- Phong cách cổ điển
- Phong cách lãng mạn

**5. HDVN**
- Soạn bài theo PPCT: Bài 3 Lập luận trong văn bản nghị luận

Đọc VB 1: *Nhìn về vốn văn hóa dân tộc*

**********